

PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 357, NĂM THỨ 29

THÁNG 4-2024



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com
Mạng Nhận Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

BÌNH ANSON

CHÂN ĐẠI LƯỢNG

MINH HÒA

NHÂN CA

TÂM KHÔNG

TÂM TUỆ TĨNH

TUỆ VIÊN

Cộng Tác:

CHÍNH HẠNH

HÀN TRÚC

HỒNG DƯƠNG

MINH CHÁNH

MINH ĐỨC

TRẦN TRUNG ĐẠO

Kỹ Thuật:

MINH HÒA

NHÂN CA

Mục Lục

<u>Tu Tâm</u>	BBT	3
<u>Thiền đình một PP. biến cải tâm linh</u>	Hoang Phong dịch	4
<u>Thơ: Nhật ánh trăng</u>	Phổ Đồng	13
<u>Tìm hiểu về Hội Thông Thiên Học</u>	Trúc Lâm và Tri Thiện	14
<u>Pháp Cú: 406 Phẩm Bà La Môn</u>	HT. Th. Minh Châu dịch	19
<u>Thơ Tư trào</u>	Tuệ Sỹ	19
<u>Thủ hóa kiếp làm người</u>	Hoàng Thị Quỳnh Hoa	20
<u>Hư Hư Lục: Ăn trộm dạy con</u>	Thích Nữ Như Thủy	22
<u>Chuyên hoằng Pháp nơi hải ngoại</u>	Nguyễn Giác	23
<u>Hư Hư Lục: Trò chơi bắt đé</u>	Thích Nữ Như Thủy	29
<u>Thơ: Mùa Xuân Mưa hoa Bát Nhã</u>	Diệu Minh Tuệ Nga	31

Tranh bìa

Hoa Sen

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài
đăng trong**

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoằng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

**Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học**

Tu Tâm

Bình thường tâm thị đạo 平常心是道, có nghĩa là Tâm bình thường tức là Đạo. Là một câu nói nổi tiếng của Thiền sư Nam Tuyền Phổ Nguyên 南泉普願 (738-835) là Thiền sư Trung Quốc, một trong những môn đệ lừng danh của Mã Tổ Đạo Nhất 馬祖道一 (709-788)

Câu này là một phần của một cuộc Vấn đáp giữa Nam Tuyền và môn đệ thượng thủ là Triệu Châu Tông Thảm 趙州從諗 (778-897, được Thiền sư Vô Môn Huệ Khai 無門慧開 (1183-1260) lưu lại trong Vô môn quan 無門関, Công án 19:

Triệu Châu hỏi: “Thế nào là đạo?”. Nam Tuyền đáp: “Tâm bình thường là đạo.” Triệu Châu lại hỏi: “Nhắm hướng đến đó được không?”. Nam Tuyền đáp: “Hướng đến càng xa.” Triệu Châu hỏi: “Nếu không nghĩ đến thì sao biết được đó là đạo?”. Nam Tuyền đáp: “Đạo không thuộc về biết hay không biết. Biết là biết sai, không biết là vô kí. Nếu thật sự đạt đạo thì bấy giờ cũng như thái hư, trống rỗng thênh thang, còn gượng chấp phải trái sao?” Ngay câu này, Triệu Châu Đốn ngộ.

Hiện nay thế giới đảo điên, chiến tranh, dịch bệnh lại thêm một số youtuber muốn kiếm tiền, nhưng một là ít học, hai là thiếu đạo đức, nên tung ra những Video Clip lấy những tựa cho thật lạ tai, thật lạ mắt, bất chấp thủ đoạn họ làm chỉ mong có người xem, có người thích, có người theo dõi để họ kiếm tiền.

Chung quanh ta, thế giới như thế, xã hội như thế, nếu chúng ta không giữ tâm thanh tịnh dễ bị lôi cuốn.

Theo lời Phật dạy tâm của chúng ta bình sẽ góp một phần vào xã hội được yên bình, xã hội càng được yên bình thì thế giới chúng ta sẽ bình an, nhà nhà sẽ ấm no, người người sẽ hạnh phúc.

Chẳng những mỗi chúng ta cầu mong cho “Vạn vật thái bình”, mà chúng ta còn phải hành động để góp phần thiết thực đó. Thiện nghiệp từ Thân, Khẩu, Ý của mỗi cá nhân sẽ góp thành cộng nghiệp. Nhờ đó thế giới mới được thái bình.

BBT/NS/PHẬT HỌC

Thiền định

một phương pháp biến cải tâm linh
Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita
Hoang Phong chuyên ngữ

Bài 41

Các cửa ngõ mở vào sự giải thoát

Người ta có thể phân biệt samadhi siêu nhiên (*samadhi là tiếng Pali và tiếng Phạn, kinh sách tiếng Hán gọi là "định", là các phép tập trung tâm thức thật cao, tạo ra cho người hành thiền các thể dạng tâm thần vượt bậc gọi là dhyana, kinh sách Hán ngữ gọi là "thiền"*) theo nhiều thể loại tùy thuộc vào các khía cạnh khác nhau của hiện thực mà người hành thiền hướng vào đó trong khi suy nghiệm (*suy tư*).

Trong số các samadhi đó có ba thứ chủ yếu và tiêu biểu nhất được xếp vào một danh sách chung mang tên là "các cửa ngõ mở vào sự giải thoát", tiếng Pali và tiếng Phạn là "vimocaka mukha" (*vimocaka có nghĩa là "sự giải thoát", mukha là "cửa ngõ" và cũng có nghĩa là "mở vào" hay "đưa vào"*). Ba samadhi hay ba cửa ngõ này sẽ được nhà sư Sangharakshita lần lượt giải thích dưới đây).

Samadhi không dấu hiệu cũng không hình ảnh

Cửa ngõ thứ nhất được gọi là "samadhi không dấu hiệu, cũng không hình ảnh". Hiện thực được suy nghiệm như là sự trống không của tất cả mọi sự tạo dựng [tâm thần] mang tính cách khái niệm. Người ta cho rằng không có bất cứ một khái niệm nào khả dĩ có thể gọi lên hiện thực [để hiểu được

nó là gì], hơn nữa cũng không có một khái niệm nào có thể mô tả giúp chúng ta hiểu được thế nào là hiện thực. Trên thực tế, người ta xem chữ hiện thực không mang một ý nghĩa nào cả, bởi vì thuật ngữ này chỉ là một cách "khái niệm hóa" một cái gì đó "không thể khái niệm hóa" được (*xin lưu ý cách "định nghĩa" này của hiện thực, bởi vì dưới đây nhà sư Sangharakshita sẽ giải thích về sự quán thấy hiện thực, đưa đến sự cảm nhận và hòa nhập với nó để trở thành chính nó, và đây chính là sự Giác ngộ*). Chính vì vậy nên mỗi khi suy nghiệm về hiện thực thì cũng không nhất thiết là phải nghĩ đến thuật ngữ hiện thực [có nghĩa là gì], mà chỉ cần hình dung hiện thực như là một cái gì đó hoàn toàn trống không về tất cả mọi tín hiệu (signal) có thể tạo ra trong tâm thức bất cứ một sự báo hiệu (index, lead) nào [hướng dẫn sự suy nghĩ của mình] về bất cứ một thứ gì, hay bất cứ một sự so sánh (*phân biệt*) nào.

Samadhi không mang xu hướng hay định hướng nào cả

Cửa ngõ thứ hai hướng vào sự giải thoát là "samadhi không mang xu hướng hay định hướng nào cả". Ở cấp bậc này tâm thức không còn phân biệt (*discriminate / nhận định hay xác định sự khác biệt*) giữa cái này với cái kia, nên không còn mang một chủ đích đặc biệt nào, kể cả ý niệm về thời gian: không có quá khứ, chẳng phải là hiện tại, cũng không phải là tương lai. Vì không có bất cứ một nơi nào (*một điểm tựa nào*) để trụ

vào đó (*hướng vào, bám víu vào đó*), nên tâm thức dừng lại nơi mà nó đang hiện hữu - nếu có thể nói như vậy -, và tâm thức tự nó cũng chiêm nghiệm về hiện thực như là không có một nơi nào để đi đến, không mang một định hướng hay khuynh hướng nào cả, không nghiêng về thứ này cũng chẳng ngã theo thứ kia (*xin liên tưởng đến thuật ngữ Tathagata / Như Lai mà Đức Phật sử dụng để tự nhận diện mình, Tathagata nghĩa từ chương là "chẳng đi về đâu cả mà cũng chẳng từ đâu đến", Ngài "Chỉ là như thế" và hiện thực cũng "chỉ là như thế"*)

Samadhi của sự trống không

Cửa ngõ thứ ba và cũng là cửa ngõ sau cùng là "samadhi của sự trống không". Hiện thực được hình dung như là không mang một bản chất nào cả, không có một đặc tính tự tại nào, hầu có thể giúp nhận biết được nó, hay phân biệt được nó với một thứ gì khác.

Người ta không thể bảo rằng vật này là như thế này, một nhân dạng là phải như thế kia, *shunyata* hay hiện thực là một thứ gì khác (*shunyata* còn viết là *sunyata*, là tiếng Phạn, tiếng Pali là *sunnata*, có nghĩa là "trống không", kinh sách Hán ngữ gọi là "Tánh không", cách gọi này thiếu chính xác, bởi vì đã "trống không" mà còn có cái "tánh" thì chưa phải là "trống không". Hiện thực là một sự trống không tuyệt đối, sự trống không của cả sự [hiểu biết] trống không, nếu có thể nói như vậy). Hiện thực không phải là một thứ gì đó khác với bất cứ một thứ gì khác [với chính nó]. Nó không có một bản chất đặc biệt (*cá biệt*) nào về chính nó (*nhà sư Sangharakshita mô tả hiện thực và sự trống không của nó thật ngắn gọn và dễ hiểu, xin bài phục. Đức Đạt-lai Lạt-ma thì giải thích sự trống không của hiện thực bằng một thí dụ rất cụ thể: nếu cho rằng sự*

hiện hữu của mình là hoàn toàn trống không thì cứ hãy véo vào cánh tay mình xem có đau hay không? Hiện thực là "trống không" và ngược lại "trống không" cũng chính là hiện thực là như vậy, cả hai - hiện thực và trống không - không có thứ nào mang một bản chất hay một thực thể cá biệt nào cả. Sự trống không đó của hiện thực là một "trạng thái tâm thân", một sự "cảm nhận của tâm thức", không mang một chủ đích nào, cũng không dựa vào một mốc định hướng nào cả, không có trên cũng không có dưới, không có trước cũng chẳng có sau, không tiến lên được cũng không lùi lại được, không có điểm khởi hành, cũng chẳng có điểm chấm dứt, tất cả chỉ là một cảm nhận thuần nhất và hoàn toàn phẳng lặng của tâm thức. Ý nghĩa đó cũng được nêu lên qua câu sau đây trong bản Tâm kinh ngắn dùng để tụng: "...hãy bước lên, bước lên, bước sang tận phía bên kia của bờ bên kia... / ...gate gate, paragate, parasamgate...". Các chữ "tận phía bên kia của bờ bên kia" trong câu trên đây nói lên một thể dạng tâm thân hoàn toàn thoát khỏi mọi sự vướng mắc của ngôn từ quy ước và sự hiểu biết khái niệm, phản ánh một hiện thực phi định hướng và hoàn toàn vắng lặng, "phía bên kia của bờ bên kia" là một sự bất định hướng hoàn toàn không còn một ý niệm vào về không gian và cả thời gian. Tuy nhiên sự bất định hướng đó không phải là một sự tưởng tượng hay một sự hiểu biết hay nhận thức dựa vào lý trí mà là một sự cảm nhận trực tiếp của tâm thức. Ngoài ra trong bản Tâm kinh cũng có một câu khác rất nổi tiếng là "hình tướng là trống không, trống không là hình tướng" / "sắc tức thị không, không tức thị sắc", câu này nói lên cửa ngõ thứ ba của sự Giác ngộ là "samadhi của sự trống không").

Những gì trên đây, từ việc loại bỏ các chương ngại tâm thân ("*ngũ triền cái*") cho đến các thể dạng siêu-tri-thức thanh thoát

nhất, cũng chỉ [đơn giản] là các thể dạng dhyana với ý nghĩa là các thể dạng tri thức thuộc các cấp bậc thật cao, trước khi có thể trực diện được với hiện thực tối hậu. Tuy nhiên, cũng có thể xem các dhyana đó tự chúng cũng là một phương tiện luyện tập nhằm mang lại các thể dạng cao siêu đó [của tâm thức].

Dhyana là một cái gì đó thật tự nhiên

Thật ra có rất nhiều điều cần phải bàn thảo về chủ đề này, thế nhưng tôi mạn phép chỉ nêu lên một sự nhận xét duy nhất là dhyana là một cái đó thật tự nhiên. Lý tưởng nhất là mỗi khi thiền định, và ngay vào lúc vừa ngồi xuống và khép mắt lại, thì phải thực hiện được ngay thể dạng dhyana (*mỗi khi ngồi xuống thì phải "nhập định" ngay*). Điều đó phải xảy ra thật dễ dàng, không có gì tự nhiên hơn (*lý tưởng hơn nữa là các thể dạng dhyana luôn hiện lên với mình trong cuộc sống thường nhật: trước khi ngủ, lúc thức dậy, khi ăn cũng như những lúc tản bộ ngắm nhìn thiên nhiên, kể cả trong khi đang làm các công việc thường nhật. Trong những lúc đó nếu hợp nhất được năng lực của tâm thức, chú tâm thật tỉnh giác vào từng cử chỉ và tư duy của mình, và mở rộng hơn nữa là sự hiện hữu của mình trong bối cảnh chung quanh mình, thì một thể dạng dhyana thuộc một cấp bậc nào đó cũng có thể hiện lên với mình, thay vì cứ để cho những sự lo lắng, tính toán, hy vọng, hoang mang, ham muốn... xâm chiếm tâm thức mình*). Trên thực tế nếu chúng ta tạo được cho mình một cuộc sống nhân bản thật sự (*có nghĩa là phù hợp với bản chất con người của mình*), có nghĩa là trong tuần vừa qua, trong tháng vừa qua, hoặc cũng có thể là trong năm vừa qua, ít nhất chúng ta cũng tạo được một nếp sống tương đối gần với con người hơn, thì nhờ đó dhyana cũng sẽ tìm thấy một vị trí nào đó nơi con người của mình (*trong sáu cõi của*

sự hiện hữu, con người giữ một vị thế khá cao, vì vậy với tư cách là con người ít nhất chúng ta cũng phải giữ được ưu thế đó trong sự sống của mình. Nếu chỉ biết tính toán, mưu mô, tham lam, hận thù, thèm khát, say mê..., có nghĩa là chạy theo những sự thúc dục của bản năng, thì chúng ta sẽ không thể nào thiền định được, dù có ngồi xuống và giữ thật yên lặng, thế nhưng các xúc cảm bấn loạn sẽ vẫn tiếp tục dấy lên bên trong tâm thức mình).

Thiết nghĩ cũng không cần nêu lên tình trạng liên quan đến cuộc sống thường nhật (*nghĩa là chỉ thích sự dễ dãi, không biết cố gắng là gì*). Thật vậy mỗi khi tìm cách tập trung tâm thức để thiền định thì không mấy ai trong số chúng ta tránh khỏi uể oải, đôi khi phải cố gắng đến nghẹn thở thì mới đủ sức ngồi xuống để hành thiền. Chúng ta có thể cảm thấy chán nản và cho rằng các chuyện đó không đáng làm, các chuyện khác hấp dẫn hơn, chẳng hạn như xem ciné hay truyền hình. Thế nhưng thật khôi hài, làm các chuyện đó thì cũng phải cố gắng, cũng phải ra sức (*phải tập trung sự chú ý*), thế nhưng các chuyện ấy chẳng mang lại cho mình một thể dạng dhyana nào cả (*mà chỉ là cách phung phí năng lực của mình*). Trong khi đó nếu cố gắng loại bỏ các chướng ngại (*ngũ triền cái*) trong việc luyện tập thiền định thì ít nhất chúng ta cũng có thể đạt được thể dạng dhyana thứ nhất (*sự thư thái và an vui, một niềm phúc hạnh sâu xa hơn, so với cách che lấp các sự lo âu trong tâm thức mình bằng các sự sinh hoạt khác*).

Chính vì vậy nên hầu hết các phép luyện tập thiền định không nhất thiết là nhằm mục đích trực tiếp mang lại các thể dạng tri thức cao siêu, mà chỉ đơn giản giúp chúng ta loại bỏ các chướng ngại [tâm thân] (*tức là "ngũ triền cái"*). Xin mạn phép nhắc

lại "ngũ triền cái" là: 1- sự thèm khát dục tính / "tham dục triền cái", 2- sự bất mãn / "sân triền cái", 3- sự lười biếng và đờ đẫn "hôn trầm thù miên triền cái", 4- sự bất an và hồi tiếc / "trạo cử hồi quả triền cái", 5- sự nghi ngờ / "nghi triền cái"). Cách luyện tập sự chú tâm hướng vào hơi thở sẽ loại bỏ được chướng ngại của sự xao lãng, cách luyện tập về metta-bhavana (*metta có nghĩa là lòng từ tâm, nhân từ, bhavana có nghĩa là phát huy, triển khai, mở rộng, chữ này rất thường thấy trong kinh điển nói chung*) sẽ giúp loại bỏ được tính độc ác, v.v. (*trong cuộc sống thường nhật, nhiều người - từ trẻ con đến người lớn - say mê các trò chơi điện tử, nghe nhạc, xem những chuyện vô bổ trên truyền hình hay trên mạng, hoặc suốt ngày không lúc nào rời chiếc điện thoại cầm tay, thì đây là các cách che lấp "ngũ triền cái" của mình, một cách phung phí năng lực của mình, Nếu muốn tạo cho mình một tri thức sáng suốt và tập trung thì ít nhất và trước nhất cũng phải lánh xa các sự sinh hoạt vô bổ đó, không nên âm ỉ thiêu đốt những ngày tháng trong cuộc sống ngắn ngủi của mình*) Nếu chúng ta loại bỏ được các chướng ngại bằng các phương cách đại loại như thế, thì các thể dạng [tri thức] thật cao, ít nhất là ở cấp bậc thứ nhất (*dhyana thứ nhất hay sơ thiền*), tất sẽ hiển hiện với mình thật tự nhiên. Người bồ-tát tất nhiên không những chỉ đơn giản luyện tập các phép thiền định [thông thường] mà còn phải luyện tập các dhyana paramita, tức là các thể dạng thiền định hoàn hảo nhất. Điều đó có nghĩa là người bồ-tát luyện tập thiền định không hẳn chỉ là để mang lại sự an bình cho tâm thức, và dù có thực hiện được điều đó đi nữa thì đây cũng sẽ không phải là cách giúp mình được lên thiên đường, và hơn nữa thế nữa dù có thực hiện được sự ước vọng đó đi nữa (*tức là được lên thiên đường*) thì đây cũng không phải là mục đích của người bồ-tát. Bởi vì đối

với người bồ-tát thiền định là một thể dạng của Con đường nhằm giúp mình một ngày nào đó sẽ đạt được sự Giác ngộ vì sự an lành của tất cả chúng sinh (*người bồ-tát ước vọng đạt được Giác ngộ không phải là để lên thiên đường hay được tiếp dẫn vào cõi cực lạc, mà là để đủ sức đương đầu với sự khổ đau của tất cả chúng sinh*).

Đối với người bồ-tát việc luyện tập thiền định không nhất thiết phải từ bỏ mọi sinh hoạt bên ngoài. Chúng ta thường nghĩ rằng nếu muốn thiền định thì phải tìm một nơi yên tĩnh, ngồi yên, khép mắt và thực thi một phương pháp luyện tập tâm thân (*một phép thiền định*) nào đó. Thế nhưng kinh sách thường nhắc đi nhắc lại là đối với người bồ-tát dù đang hòa nhập với dhyana, thế nhưng đồng thời vẫn phải đủ sức sinh hoạt một cách bình thường. Hai thứ đó (*thiền định và sinh hoạt trong môi trường sống*) có vẻ đối nghịch nhau, thế nhưng thật ra đối với người bồ-tát thì cả hai chỉ là một thứ. Sinh hoạt là mặt ngoài của thiền định, và thiền định là chiều sâu của sự sinh hoạt bên ngoài, đây là hai mặt của một đồng tiền. Điều đó cũng có thể tạm xem như là mục đích của chúng ta [trong hiện tại], thế nhưng tình trạng đó rất có thể sẽ còn tiếp tục kéo dài trước khi thiền định có thể tách ra khỏi sự sinh hoạt bên ngoài và ngược lại (*cho đến khi nào thiền định chưa hoàn toàn tách ra khỏi các sự sinh hoạt bên ngoài, thì sự giải thoát và Giác ngộ đích thật bên trong tâm thức sẽ không thể nào xảy ra được, hoặc ngược lại khi nào sự sinh hoạt bên ngoài chưa dứt bỏ được thì sự Giác ngộ vẫn còn xa vời*). Dù rằng các kinh nghiệm thiền định của mình ảnh hưởng đến cuộc sống thường nhật, thế nhưng cũng phải cần đến một thời gian lâu dài trước khi chúng ta có thể thiền định trong lúc đang bị kẹt xe hay trong khi đang rửa bát, với hiệu quả mang lại không khác gì như những lúc ngồi im trên chiếc tọa

cụ (*chiếc gối để ngồi trong lúc tọa thiền*).

Ngọn sóng tại Kanagawa nơi hải cảng Yokohama, to lớn hơn cả núi Phú sĩ, ào ạt và hùng hổ, tương tự như một con quái vật há hốc miệng, sẵn sàng nuốt chửng con người. Thiền định là làm cho năm thứ chướng ngại tâm thần ("triền cái") phải lắng xuống cũng tương tự như làm cho mặt biển tại Kanagawa trở nên êm ả và phẳng lặng (*hình và lời giải thích do người chuyên ngữ ghép thêm*).

Vài lời ghi chú của người chuyên ngữ

Trong các bài 38, 39, 40 trước đây, nhà sư Sangharakshita giải thích thế nào là các cấp bậc thiền định đưa đến sự Giác ngộ, trong bài 41 này nhà sư Sangharakshita nêu lên thật cụ thể các phương pháp mang lại các thể dạng tri thức siêu nhiên đó. Ba trong số các phương pháp này được gọi là "các cửa ngõ mở vào sự Giác ngộ".

Đức Phật nêu lên các cửa ngõ này trong rất nhiều bài kinh và gọi là samadhi, là các phép luyện tập sự tập trung thật sâu giúp chúng ta khám phá và hòa nhập vào các thể dạng cảm nhận siêu nhiên bên trong tâm thức mình, và điểm tột đỉnh của các thể dạng ấy chính là sự Giác ngộ.

Trong Tạng Kinh có rất nhiều bài mang cùng một tựa là *Samadhi Sutta*, điều đó cho thấy Đức Phật luôn nhắc đi nhắc lại phương pháp chủ yếu này trong việc tu tập của người Phật giáo. Trong số này chúng ta hãy chọn một bài ngắn trong Tạng chi Bộ kinh (*Samadhi Sutta*, Anguttara Nikaya, AN 4.41) để tìm hiểu và bổ túc thêm cho bài giảng trên đây của nhà sư Sangharakshita. Bản chuyên ngữ dưới đây của bài kinh này chủ yếu được dựa vào hai bản dịch: một bằng tiếng Pháp của Rémy, một dịch giả rất

uyên bác nhưng rất kín đáo chỉ cho biết tên nhưng không cho biết họ, và một bằng tiếng Anh của nhà sư Thanissaro Bhikkhu.

Kinh về phép Tập trung tâm thần Samadhi Sutta

(Anguttara Nikaya / Tạng chi Bộ kinh, AN 4.41)

"Này các tỳ kheo, có bốn thể loại phát huy sự tập trung tâm thần (*trong bản gốc tiếng Pali là chữ samadhi, chữ này cũng là tiếng Phạn*). Vậy bốn thể loại ấy là gì?

(1) - Đó là cách phát huy sự tập trung tâm thần, và sau khi đã được tập trung và trau dồi, thì nó sẽ mang lại sự thích thú (*pleasant / agréable / dễ chịu, êm ả, an vui*) trong thế giới hình tướng (*trong bản tiếng Pháp là các chữ "monde visible" có nghĩa là "thế giới trông thấy bằng mắt", trong bản tiếng Anh của nhà sư Thanissaro Bhikkhu là "here & now" có nghĩa là "tại nơi này và trong lúc này"*). Ngoài ra cũng có một bản dịch tiếng Anh khác dịch rất từ chương là "*joyful home of the way*" / "*sự an trú thích thú trên con đường*". Trong Đại tạng kinh tiếng Việt, các chữ này được dịch là "*hiện tại lạc trú*". Trong bản gốc tiếng Pali các chữ này là "*dittha-dhamma-sukka-viharana*", *dittha* có nghĩa là cảm thấy, nhận thấy, *dhamma* trong trường hợp này có nghĩa là hiện tượng, *sukka* có nghĩa là an vui hay thích thú, *viharana* có nghĩa là an trú; nói chung thì đó là thế giới hiện tượng, một thế giới cụ thể và "trần tục", nhận biết nhờ vào các khả năng của năm cơ quan giác cảm và tâm thần. Và đó cũng là những cảm nhận tiên khởi nhất của một người hành thiền khi bắt đầu ngồi xuống để thiền định. Mạn phép dài dòng là vì các chữ này không thống nhất trong các bản dịch khác nhau).

(2) - Đó là cách phát huy sự tập trung tâm thân, và sau khi đã được tập trung và trau dồi, thì nó sẽ giúp đạt được sự hiểu biết và sự quán thấy (*vipassana*).

(3) - Đó là cách phát huy sự tập trung tâm thân, và sau khi đã được tập trung và trau dồi, thì nó sẽ mang lại sự tỉnh thức (*mindfulness / tỉnh giác, "chánh niệm"*) và sự cảnh giác (*sati / alertness / tỉnh táo, bén nhạy, tinh tường*).

(4) - Đó là cách phát huy sự tập trung tâm thân, và sau khi đã được tập trung và trau dồi, thì nó sẽ hoàn toàn loại bỏ được các ô nhiễm tâm thân (các sự suy nghĩ miên man, các xúc cảm dữ dội, nói chung là các sự diễn đạt và tạo tác của tâm thức / *mental agitation, effluents*).

Vậy, này các tỳ-kheo, cách phát huy sự tập trung tâm thân, và sau khi đã được tập trung và trau dồi sẽ mang lại sự thích thú trong thế giới hình tướng, có nghĩa là gì?

(1) Đây là trường hợp người tỳ-kheo, sau khi đã tách ra khỏi sự thích thú dục tính, tách ra khỏi các thể dạng tâm thân bất lợi, sẽ hòa nhập và thường trú trong thể dạng jhana thứ nhất (còn gọi sơ thiền), là niềm hân hoan (*piti / rapture / exaltation / sự vui sướng hay hứng khởi*) và sự thích thú (*sukha / pleasure / joy / sự dễ chịu, vui thích, êm ả*) phát sinh từ sự tách rời đó, kèm theo với các tư duy và sự suy nghiệm (trong bản tiếng Pháp các chữ này là "*pensées & réflexions*" có nghĩa là các sự suy nghĩ và suy nghiệm hay ngẫm nghĩ; trong bản tiếng Anh của nhà sư Thanissaro Bhikkhu là các chữ "*directed thought & evaluation*" có nghĩa là "sự suy nghĩ mang

một chủ đích rõ rệt và các sự đánh giá hay lý luận"; trong bản gốc tiếng Pali là "*vitakka & vicara*", *vitakka* có nghĩa là tư duy hay sự suy nghĩ, *vicara* có nghĩa là tính toán hay lý luận về một cái gì đó. Nói một cách tổng quát thì trong jhana thứ nhất, người hành thiền cảm thấy thanh thoát và an vui, thế nhưng tâm thức vẫn còn tiếp tục suy tư và ngẫm nghĩ đủ mọi thứ chuyện).

(2) Với sự lắng xuống của tư duy và các sự suy nghiệm, người tỳ-kheo sẽ hòa nhập và an trú trong jhana thứ hai (*nhị thiền*), là sự tĩnh lặng nội tâm và sự hợp nhất của tâm thức, sẽ không còn tồn lưu bất cứ một tư duy hay một sự ngẫm nghĩ nào (không còn suy nghĩ miên man hay suy nghiệm dựa vào sự hiểu biết quy ước và khái niệm), mang lại [cho mình] niềm hân hoan (hứng khởi) và sự thích thú, phát sinh từ sự tách rời đó (hân hoan và thích thú hiện lên trong jhana thứ nhất tiếp tục tồn lưu nhưng trở nên cô đọng và sâu sắc hơn trong jhana thứ hai sau khi tách rời khỏi các sự suy nghĩ miên man và sự lý luận trong jhana thứ nhất).

(3) Với sự mờ nhạt (*tan biññāna*) của niềm hân hoan, người tỳ-kheo sẽ an trú trong sự thanh thân (*upekkha / equanimous / "xả"*) của sự tỉnh thức (*mindfulness / "chánh niệm"*) và sự hiểu biết minh mẫn, và nhờ đó người tỳ-kheo sẽ hòa nhập vào jhana thứ ba (*tam thiền*), mang lại [cho mình] các cảm nhận dễ chịu trên thân thể mà những người cao quý (*noble ones / tiếng Pali là kalyana-mitta, tiếng Phạn là kalyana-mitra*; *kalyana* có nghĩa là cao quý, đạo hạnh, nhiều kinh nghiệm trên đường tu tập; *mitta* hay *mitra* có nghĩa là bạn hữu hay người đồng hành, nói chung là những người - tại gia hay xuất gia - uyên bác, đạo hạnh, có nhiều kinh nghiệm trong lãnh vực thiền định. Kinh sách

Hán ngữ gọi họ là các "thiền tri thức", các chữ này dường như không mang ý nghĩa gì cả). mô tả như là 'sự thanh thân (equanimous) và tỉnh thức (mindful / tỉnh giác, tỉnh táo, thường được gọi là "chánh niệm") của một người an trú trong sự thích thú. (Đức Phật không trực tiếp mô tả thể dạng thanh thân và thích thú đó mà chỉ cho biết đó là các sự cảm nhận do những người "cao quý" nêu lên. Điều đó phải chăng là vì thể dạng này nói lên các cảm nhận cá nhân, có thể khác biệt giữa những người hành thiền với nhau, và dưới một góc cạnh nào đó phải chăng cũng có thể hiểu là Đức Phật đã vượt xa hơn các thể loại cảm nhận này trong thế giới hình tướng và đó chỉ là các cảm nhận của những người đang luyện tập thiền định?).

(4) Với sự buông bỏ các cảm nhận thích thú và cả đờn đau trong tâm thức - tương tự như sự tan biến trước đây của các sự thích thú và đau buồn - người tỳ-kheo sẽ hòa nhập và an trú trong jhana thứ tư (tứ thiền), là thể dạng tinh khiết của sự thanh thân (upekkha / "xả"), không còn tồn lưu bất cứ một thoáng thích thú hay đờn đau nào nữa cả (sự thanh thân hiện lên trong jhana thứ ba trở nên tuyệt đối và hoàn toàn phẳng lặng trong jhana thứ tư).

Đây là cách phát huy sự tập trung tâm thân, và sau khi đã được tập trung và trau dồi thì nó sẽ tạo ra một sự an trú dễ chịu (pleasant / agréable / an vui, thanh thoát, êm ả) trong thế giới hình tướng (xin nhắc lại đó là thế giới hiện tại / here & now, một thế giới có thể trông thấy hay cảm nhận được / monde visible, và cũng có nghĩa là thế giới hình tướng hay hiện tượng).

Vậy, này các tỳ-kheo, sự phát huy sự tập trung tâm thân, và sau khi đã được tập trung và trau dồi sẽ mang lại sự hiểu biết và

quán thấy (vipassana), thì điều đó có nghĩa là gì? Điều đó có nghĩa là người tỳ-kheo chú tâm vào sự cảm nhận ánh sáng, hướng sự chú tâm của mình vào sự cảm nhận về ban ngày, dù đang là ban đêm hay ban ngày, dù là ban ngày hay ban đêm. Nhờ vào tâm thức minh mẫn không một bóng tối đó, người tỳ-kheo sẽ phát huy được một tâm trí minh bạch. Này các tỳ-kheo, đây là cách phát huy sự tập trung tâm thân, và sau khi đã được tập trung và trau dồi, thì nó sẽ mang lại sự hiểu biết và quán thấy.

Vậy, này các tỳ-kheo, cách phát huy sự tập trung tâm thân, và sau khi đã được phát huy và trau dồi, sẽ mang lại sự tỉnh thức và cảnh giác, thì điều đó có nghĩa là gì? Điều đó có nghĩa là đối với người tỳ-kheo các giác cảm phải được nhận biết khi chúng hiện ra, phải được nhận biết khi chúng đang hiện hữu, phải được nhận biết khi chúng chấm dứt. Các tư duy phải được nhận biết khi chúng hiện lên, phải được nhận biết khi chúng đang hiện hữu, phải được nhận biết khi chúng chấm dứt. Các sự nhận thức được nhận biết khi chúng hiện lên, phải được nhận biết khi chúng đang hiện hữu, phải được nhận biết khi chúng chấm dứt. Này các tỳ-kheo, đây là cách phát huy sự tập trung tâm thân, và sau khi đã được phát huy và trau dồi, thì nó sẽ mang lại sự tỉnh thức và cảnh giác.

Vậy, này các tỳ-kheo, cách phát huy sự tập trung tâm thân, và sau khi đã được phát huy và trau dồi sẽ loại bỏ được các ô nhiễm tâm thân, thì điều đó có nghĩa là gì? Điều đó có nghĩa là người tỳ-kheo phải theo dõi sự xuất hiện và tan biến của năm thứ cấu hợp (kinh sách Hán ngữ gọi là "ngũ uẩn"). Đây là hình tướng (rupa / form / "sắc uẩn" / tức là thân thể), đây là sự xuất hiện của hình tướng, đây là sự biến mất của hình tướng. Đây là giác cảm (vedana / feeling / "thọ uẩn"), đây là sự xuất hiện của giác cảm, đây là sự tan biến của giác cảm. Đây là sự nhận thức (sanna / perception / "trưởng uẩn" / sự nhận biết), đây là sự xuất hiện của

sự nhận thức, đây là sự chấm dứt của sự nhận thức. Đây là sự tạo dựng tâm thân (*sankhara / fabrication / "hành uân" / các sự diễn đạt của tâm thân*), đây là sự xuất hiện của sự tạo dựng tâm thân, đây là sự chấm dứt của sự tạo dựng tâm thân. Đây là tri thức (*vinnana / consciousness / "thức uân" / tri thức*), đây là sự xuất hiện của tri thức, đây là sự chấm dứt của tri thức. Đây các tỳ-kheo, đây là cách phát huy sự tập trung tâm thân, và sau khi đã được tập trung và trau dồi, thì nó sẽ mang lại sự chấm dứt hoàn toàn các ô nhiễm tâm thân (*các sự tạo dựng trong tâm thức, các sự suy tư và hiểu biết quy ước và khái niệm, cùng các thứ xúc cảm đủ loại*).

Này các tỳ-kheo, đây là bốn phương cách phát huy sự tập trung tâm thân".

Có rất nhiều bản dịch bài kinh này sang các ngôn ngữ Tây phương, mỗi bản dịch đều có đôi chút khác biệt hoặc một vài nét độc đáo. Trên phương diện tổng quát, nếu muốn tìm hiểu bất cứ một sự kiện nào thì phải đặt sự kiện ấy vào khung cảnh không gian và thời gian của nó. Nguyên lý tương liên tương tác và tương tạo giữa mọi hiện tượng - *pratityasamutpada / interdependance* - cho biết là nếu tách rời một sự kiện ra khỏi khung cảnh của nó là cách cắt đứt sự liên kết của nó với bối cảnh làm phát sinh ra nó. Điều đó có thể khiến sự hiểu biết chúng ta về sự kiện đó sẽ bị lệch lạc.

Những lời giảng của Đức Phật là dành cho con người của thời đại Ngài, và Ngài giảng cho họ bằng ngôn ngữ của quê hương Ngài, là một thứ thô ngữ của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), có nguồn gốc từ tiếng Phạn cổ. Ngài không giảng cho họ bằng tiếng Pali

hay tiếng Phạn cải tiến còn lưu lại đến nay, bởi vì các thứ tiếng này chỉ bắt đầu xuất hiện vào khoảng thế kỷ thứ III trước Tây lịch. Việc dịch thuật kinh sách vì vậy thật hết sức tế nhị.

Dù rằng thông điệp và tư tưởng của Đức Phật vượt không gian và thời gian, thế nhưng nếu muốn truyền đạt trung thực trí tuệ đó của Ngài trong các xã hội ngày nay thì trước hết bằng mọi cách phải tìm hiểu ý nghĩa nguyên thủy trong các lời giảng của Đức Phật, và sau đó phải chuyển thành ngôn ngữ hiện đại, thích nghi hơn với từng xã hội và từng quốc gia. Thí dụ nếu dùng tiếng Hán để giảng Dharma / Dhamma cho người Việt Nam thì dường như sẽ không mấy người thấu triệt được chính xác và nghiêm chỉnh, nếu không muốn nói là một chuyện khá khôi hài, đây là chưa nói đến Phật giáo trong thung lũng sông Hằng đã bị biến dạng rất nhiều sau khi được đưa vào Trung quốc.

Trở lại với trường hợp bài kinh *Samadhi Sutta* trên đây thì độc giả có thể tìm hiểu thêm qua bản gốc bằng tiếng Pali và cả các bản dịch sang các ngôn ngữ Tây phương, các tư liệu này có thể tìm thấy khá dễ dàng trên các trang mạng. Trái lại bản dịch tiếng Việt trong Đại Tạng Kinh thì khá khó tìm, bởi vì các bài giảng thuộc Tăng chi Bộ kinh (*Anguttara Nikaya*) với gần mười ngàn bài ngắn, được sắp xếp liên tục theo chủ đề và thể loại, nhưng không tách ra thành từng bài kinh riêng rẽ với tựa bằng tiếng Pali, và cũng không được đánh số theo quy tắc quốc tế. Dưới đây là một vài địa chỉ giúp người đọc tìm bài kinh này trên mạng:

- Bản dịch tiếng Anh của Thanissaro Bhikkhu:

<https://www.accesstoinight.org/tipitaka/an/an04/an04.041.than.html>

https://www.dhammatalks.org/suttas/AN/AN4_41.html

- Bản dịch tiếng Anh của Bhikkhu Sujato:

<https://suttacentral.net/an4.41/en/sujato>

- Bản dịch tiếng Đức của Nyanatiloka Thera (1907):

<https://suttacentral.net/an4.41/de/nyanatiloka>

- Các bản dịch song ngữ, Pali - Anh ngữ và Pali - Pháp ngữ:

<http://www.buddha-vacana.org/sutta/anguttara/04/an04-041.html>

<http://www.buddha-vacana.org/fr/sutta/anguttara/04/an04-041.html>

- Bản dịch tiếng Việt của Hòa Thượng Thích Minh Châu trong Đại Tạng Kinh:

<https://phatphapungdung.com/phap-bao/kinh-tang-chi-bo-chuong-4-bon-phap-111508.html>

<https://www.budsas.org/uni/u-kinh-tangchibo/tangchi04-0406.htm>

<https://buocdauhocphat.com/kinh-tang-chi-bo-chuong-iv-bon-phap-v-pham-rohitassa>

Đối với bản dịch tiếng Việt này thì qua các địa chỉ trên đây, còn phải dò tìm thêm về đoạn nói đến bản kinh này trong các mục như sau: *Chương IV - Bốn Pháp, V. Phẩm Rohitassa, (1) (41) Định*. Do vậy, nhằm tránh việc tìm kiếm khá rắc rối cho các độc giả muốn tìm hiểu thêm về bản dịch tiếng Việt trong Đại Tạng Kinh, xin mạn phép trích dẫn bản dịch này trong phần Phụ lục dưới đây.

Ngoài ra cũng có một trạng mang tiếng Anh nêu lên khoảng hai mươi bản dịch của bài

kinh này sang các ngôn ngữ khác nhau của nhiều quốc gia trên toàn thế giới, trong đó có trích dẫn bản dịch tiếng Việt của Hòa Thượng Thích Minh Châu:

<https://suttacentral.net/an4.41>

https://suttacentral.net/an4.41/vi/minh_chau

Phụ Lục

Kinh Tăng Chi Bộ – Anguttara Nikaya

Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt

Chương IV – Bốn Pháp (I) - (41) Định

1. – Nay các Tỷ-kheo, có bốn định tu tập này. Thế nào là bốn?

Có định tu tập, này các Tỷ-kheo, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến hiện tại lạc trú. Có định tu tập, này các Tỷ-kheo, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến chứng được tri kiến. Có định tu tập, này các Tỷ-kheo, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến chánh niệm tỉnh giác. Có định tu tập, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các lậu hoặc.

2. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến hiện tại lạc trú?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly các pháp bất thiện... chứng đạt và an trú sơ thiền ... thiền thứ hai ... thiền thứ ba ... thiền thứ tư.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến hiện tại lạc trú.

3. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến chứng được tri kiến?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tác ý tưởng ánh sáng, an trú tưởng ban ngày, ngày

như thế nào thời đêm như vậy, đêm như thế nào thời ngày như vậy. Như vậy, với tâm rộng mở, không có bị bao phủ, tu tập tâm đến chỗ sáng chói.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến chứng được tri kiến.

4. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến chánh niệm tinh giác?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo, thọ khởi lên được rõ biết, thọ an trú được rõ biết, thọ chấm dứt được rõ biết; tưởng khởi lên được rõ biết, tưởng an trú được rõ biết, tưởng chấm dứt được rõ biết; tầm khởi lên được rõ biết, tầm an trú được rõ biết, tầm chấm dứt được rõ biết.

Này các Tỷ-kheo, đây gọi là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến chánh niệm tinh giác.

5. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là định tu tập, do tu tập, do tầm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các lậu hoặc?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú tùy quán sanh diệt trong năm thủ uẩn: “Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc chấm dứt; đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ chấm dứt; đây là tưởng, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng chấm dứt; đây là các hành, đây là các hành tập khởi, đây là các hành chấm dứt; đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức chấm dứt.

Này các Tỷ-kheo, đây là định tu tập, do tu tập, do làm cho sung mãn, đưa đến đoạn tận các lậu hoặc.

Này các Tỷ-kheo, có bốn định tu tập này. Và cũng về vấn đề này, Ta có nói đến trong phẩm về mục đích, trong kinh gọi là “Các

câu hỏi của Punnaka”.

6.

*Do tư sát, ở đời,
Các sự vật thắng, liệt,
Không vật gì ở đời,
Làm vị ấy dao động.
An tịnh, không mờ mịt,
Không phiền não, không tham,
Ta nói vị ấy vượt,
Qua khỏi sanh và già.*

Bures-Sur-Yvette, 04.06.21
Hoang Phong chuyên ngữ



Nhật ánh trăng Phổ Đồng

*Từ kiếp nào hạt bụi
Hoá làm kiếp phong trần
Bước đi vương nắng hiện
Bụi hồng vương trăm năm.*

*Nén gầy trang kinh mở
Nhật nhoà chữ run run
Bóng Người về lã đẵng
Nghìn năm vẫn ung dung.*

*Dưới trăng ngời đọc kệ
Tụng nghìn trang kinh hoa
Vọng âm hải triều dậy
Biển trầm bọt nước qua.*

*Lữ hành xuôi quán trọ
Trăm năm mỗi gót hồng
Tàn canh lay đáy mộng
Tay dài nhật ánh trăng.*

Tìm hiểu về HỘI THÔNG THIÊN HỌC

Trúc Lâm và Tri Thiện cư sĩ

Hội Thông Thiên Học

Vấn.- Hội Thông-Thiên-Học có phải là một tôn giáo mới không?

Đáp.- Hội Thông-Thiên-Học không phải là một tôn giáo mới, vì nó không có một vị Giáo-Chủ mới, không có Chức-sắc, không có tín-điều, nghi-lễ, thờ-phượng, cúng kiến riêng.

Hội Thông Thiên Học lo truyền bá một cách phổ biến những Chơn-Lý diệu-huyền về Võ-trụ, nhơn sanh, trải qua các thời đại .

Giáo-lý Thông Thiên Học là sự Minh-Triết thiêng liêng đã có từ Thái-cổ, là Chơn-Lý mà Tôn-giáo nào cũng có dạy hồi xưa .

Hội-viên Thông Thiên Học là những người hữu-tâm, hữu chí, muốn suu-tâm và khảo sát một cách tinh-tường những Chơn Lý, cổ kim Đông Tây, ẩn tàng trong các Tôn giáo, Triết Lý và Khoa học, rồi đem áp dụng trong đời sống của mình và chia sẻ cho người đời các kết quả tốt đẹp của sự suu tâm ấy.

Vấn.- Hội viên Thông Thiên Học có phải là toàn những người không theo tôn giáo nào cả ?

Đáp.- Không ! Hội viên Thông Thiên Học tuy có một số đông không có Tôn giáo, nhưng cũng có nhiều người đã theo một Tôn giáo nòng cốt rồi, như là Phật giáo,

Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, và Ấn giáo. Những tín đồ các Tôn giáo khác, những nhà Triết học, Khoa học cũng có gia nhập vào hội Thông Thiên Học. Họ là những người có lý tưởng, nhưng không ngăn rào cái lý tưởng của họ trong khuôn khổ. Óc của họ luôn rộng mở để thấu thập những cái hay của mọi người; tai của họ sẵn sàng lắng nghe những lời nói thanh cao hữu lý; tâm của họ luôn hướng về điều thiện. Họ không có đảng phái, không phân chia nhơn ngã, và luôn luôn quý trọng kính nể ý kiến, tín ngưỡng của người khác. Người hội viên có quyền nhìn nhận moat giáo chủ nào hay một giáo phái nào tùy thích nhưng không được ép buộc ai theo ý kiến và tín ngưỡng của mình.

Vấn.- Nếu hội viên Thông Thiên Học cũng truyền bá những chơn lý như những tôn giáo khác thì lập hội T.T.H. làm chi ?

Đáp.- Vì các tôn giáo khác không còn giữ được cái tinh túy hồi thuở xưa, nên nhiều người không thỏa mãn trong sự tu tập. Hiện giờ không có Tôn giáo nào giảng giải chơn lý thật rành rẽ như T.T.H. Ta thấy chơn lý lẫn lộn với dị đoan, vì đã mất chơn truyền, cũng như nước chảy xa nguồn, lần lần hóa đục. Trong may trăm triệu tín đồ mà không có bao nhiêu người thật mến chơn lý, chỉ có một số ít vừa đủ điều kiện đăng Chơn Sư thâu làm đệ tử, còn phần lớn thì thích hư danh, vì tư lợi, mong về Tây phương, nhập Niết Bàn, hay lean Thiên Đàng để mình sung sướng, không đoái hoài tới nhân loại còn lặn hụp trong chốn trầm luân khổ hải.

Hơn nữa, con người khi mang lớp Tôn giáo rồi thì phân chia tín ngưỡng, công kích lẫn nhau. Thậm chí họ tuyên bố là nhơn danh Tôn giáo và Đức Thượng Đế tương sát, gây thành chiến tranh Tôn giáo, hồi thế kỷ thứ XVI, ở Âu châu. Sự mê tín dị đoan, phản khoa học làm cho con người chậm tân hóa. đầu thế kỷ thứ 19, khoa học Tây phương rất tiến bộ, con người đi sâu vào vật chất mà nền Đạo Đức Tây phương thì còn phôi thai. Ngọn lửa tín ngưỡng và Bác ái mà tôn giáo đã nhen nhúm đương bị khoa học duy vật ích kỷ dập tắt. Họa diệt vong đe dọa loài người.

Trước tình trạng khẩn trương này, có hai vị Đế Quân trong Quân Tiên Hội, động mỗi từ tâm, cho thành lập Hội Thông Thiên Học, năm 1875. Từ ngàn xưa, nền Minh Triết cổ truyền chỉ khẩu truyền cho các Đệ tử đã được chọn lựa mà thôi. Nay do một đặc ân hi hữu, một góc màn bí mật được vén lên để cho các Linh hồn tân hóa hiểu rõ Cơ Trời, để họ vững đức tin mà giúp cho nhơn loại hồi đầu hướng thiện.

Vấn.- Giáo lý T.T.H cho ta biết những gì ?

Đáp.- Nền Minh Triết cổ truyền nay gọi là Thông Thiên Học, gồm có hai phần: phần thứ nhất Phổ thông, dạy những định luật cai quản thế gian, như luật Luân Hồi, Nhân Quả, Hy Sanh, Tấn Hóa và gieo vào lòng người một ý niệm Khoan dung, Bác ái, tức là tình Huynh Đệ Đại Đồng.

Phần thứ nhì, cao siêu hơn, tiết lộ ít nhiều về Khoa Học Huyền Bí, như : nguồn gốc con người, sự cấu tạo vũ trụ, các Đấng Thiêng Liêng cai quản thế gian. Chỉ có một số ít người hiểu được cái giá trị thâm sâu của những điều này.

Hội Thông Thiên Học chẳng phải ra đời một cách đột ngột, mà công việc đã được sử dụng soạn kỹ càng từ lâu. Các nhà Ngữ học, thông thái Âu Mỹ đã cho Tây phương biết những Kinh Sách Á Đông. Người ta rất ngạc nhiên khi thấy những điều ghi chép trong kinh sách này rất phù hợp với những phát minh của khoa học hiện kim.

Tiếc thay, trong thế giới ít người chú ý tới việc này. Nhưng từ khi Hội Thông Thiên Học ra đời, thu hút được những nhà Bác học lừng danh như: Edison (người Mỹ), Crookes (người Anh), thì giáo lý T.T.H lan tràn khắp Âu, Á, và Mỹ Châu. Thông Thiên Học là cái phần Tinh Hoa của Thánh kinh Ấn Độ, của những Đạo bí truyền ở Ai Cập và Hy Lạp, của những Đạo viện thâm nghiêm do Đức Phythagore, Đức Platon điều khiển: nó cũng là cái phần Chơn lý của Đức Jésus dạy trong Kinh Phúc Âm.

Vấn.- Tại sao người ta mến Thông Thiên Học ?

Đáp.- Hiện giờ, ta thấy biết bao người hiền lành bị mang họa, kẻ gian ác hưởng an vui. đời thực tế thì phủ phàng mà trí con người thì mở mang khôn ngoan hơn trước và khoa học tiến bộ nên tín ngưỡng không còn an ủi họ được nữa. Họ đòi hỏi một giải pháp hợp lý.

Thông Thiên Học giúp cho họ giải quyết các thắc mắc đó, cho nên có một số người cho rằng: T.T.H có một sức hấp dẫn lạ lùng, vì tâm và trí của họ đều được thỏa mãn. Những sự băn khoăn về cuộc đời, về cõi siêu hình đều được giải đáp một cách hữu lý. Tình Huynh Đệ Đại Đồng giúp họ hiểu biết và khoan dung nhau, thoa dịu các khía cạnh gay gắt trong sự sanh hoạt cộng đồng; còn người nào chạy theo khoa học duy vật, chẳng bao lâu sẽ trở nên hoài nghi và bất mãn; họ dễ

ngã theo dục vọng. Thông Thiên Học cho ta biết rõ về sự sanh, sự tử, giảng cho ta biết căn nguyên của sự bất bình đẳng ở đời, luận bàn về số mạng của những Linh hồn đặc biệt. Theo luật Luân Hồi thì sự sanh liên với sự tử, chẳng khác nào ngày tiếp với đêm, đều đều như hơi thở vô ra của con người.

Muốn thoát khỏi bánh xe Luân hồi sanh tử phải biết luật Nhân Quả và luật Giải Thoát. Luật Nhân quả bắt ta phải sống ở thế gian, kiếp này sang kiếp khác, để trả những món nợ đã vay; còn luật Giải Thoát dạy ta phải Hy Sanh trọn vẹn mới tấn hóa và được giải thoát.

Khoa học chỉ công nhận sự di truyền về thể chất. T.T.H đi xa hơn nữa là công nhận sự Di Truyền về Tinh Thần. Chẳng phải ta thừa hưởng sự di truyền tinh thần này của cha mẹ, mà chính là của ta đã tạo nó ra cho chính bản thân ta, từ nhiều kiếp trước.

Trái hẳn với những triết lý hoài nghi, chán đời, Thông Thiên Học là một giáo lý lành mạnh. Mỗi kiếp sống là một nấc thang mà ai cũng phải trèo lên để tiến tới Chơn Lý Tuyệt Đối. Những chuỗi đời liên tiếp giống như những nấc của một cái thang cao vút, mà mỗi nấc có nhiệm vụ dắt dẫn Linh hồn lên tới tuyệt đỉnh vinh quang.

Vấn.- Ai đứng ra lập hội Thông Thiên Học ?

Đáp.- Người được lệnh của hai vị Đế Quân, lập ra hội T.T.H là bà Hélène Pétrowna Plavatsky. Hội thành lập trước tiên tại New York (Hoa Kỳ) vào ngày 17 tháng 11 năm 1875. đại tá Henry Stell Olcott là người phụ tá của bà và giữ chức Chánh Hội Trưởng trọn đời.

Năm 1880, hội dời về Bombay (Ấn Độ), rồi

hai năm sau (1882) Trụ sở Trung Ương của hội dời một lần nữa về Adyar (Madras), (Ấn Độ) và ở luôn đó cho tới ngày nay.

Vấn.- Hội Thông Thiên Học trong hoàn cầu có được bao nhiêu Xứ Bộ ?

Đáp.- Tính đến năm 1951, thì có 58 nước thành lập được Xứ Bộ T.T.H. vì mỗi xứ phải có từ 7 Chi Bộ sắp lên mới được phép thành lập Xứ Bộ.

58 Xứ Bộ và năm được thành lập như sau:

1. Huê Kỳ (1886)
2. Anh (1888)
3. Ấn Độ (1891)
4. Úc Châu (1895)
5. Thụy Điển (1895)
6. Tân Tây Lan (1896)
7. Hoà Lan (1897)
8. Pháp (1899)
9. Ý Đại Lợi (1902)
10. Đức (1902)
11. Cuba (1905)
12. Hung Gia Lợi (1907)
13. Phần Lan (1907)
14. Nga (1908)
15. Tchoslavaquie (1909)
16. Nam Phi (Maritzbourg) (1909)
17. Ecosse (1910)
18. Thụy Sĩ (1910)
19. Bỉ (1911)
20. Indonésia (1912)
21. Miến Điện (1912)
22. Áo (1912)
23. Na Uy (1913)
24. Ai Cập (1918)
25. Đan Mạch (1918)
26. Irlande (1919)
27. Mễ Tây Cơ (1919)
28. Gia Nã Đại (1919)
29. Á Căn Đình (1920)

30. Chili (1920)
31. Ba Tây (1920)
32. Bulgarie (1920)
33. Islande (1921)
34. Y Pha Nho (1921)
35. Bồ Đào Nha (1921)
36. Walles (1922)
37. Ba Lan (1923)
38. Uruguay (1925)
39. Porto Rico (1925)
40. Lỗ Ma Ni (1925)
41. Yougoslav (1925)
42. Tích Lan (1926)
43. Hy Lạp (1927)
44. Trung Mỹ (1929)
45. Pretoria (1929)
46. Paraguay (1929)
47. Pérou (1929)
48. Phi Luật Tân (1933)
49. Hong Kong (1934)
50. Colombia (1937)
51. British (1947)
52. Pakistan (1948)
53. Mã Lai (1948)
54. Bắc Irelande (1949)
55. Equateur (1950)
56. State of Israel (1950)
57. Đông Phi Châu Kénua (1950)
58. Việt Nam (1951)

Sau đó, những Xứ Bộ ở các nước Cộng sản lần lần bị giải tán, không được hoạt động nữa, thành ra cuối năm 1966, chỉ còn 46 Xứ Bộ, gồm 1223 Chi Bộ và 31,357 hội viên.

Vấn.- Những vị nào đã giữ chức Chánh Hội Trưởng Hội Thông Thiên Học Quốc tế ?

Đáp.- Trước hết, vị sáng lập Hội TTH là Đại tá HENRY STELL OLCOTT, giữ chức Chánh Hội Trưởng, từ năm 1875 đến ngày mãn phần (17-2-1907)

Kế đó, Đức Bà Annie Besant lãnh chức Hội trưởng từ năm 1907 đến 20-9-1933.
Vị thứ ba là Đức George Arundale, từ năm 1934 đến 1945.

Người thứ tư là Đức Jinarajadasa làm Hội Trưởng từ 27-2-1946 đến 28-2-1953

Hiện giờ vị thứ năm là Đức N. SRI RAM lãnh nhiệm vụ từ năm 1953 đến ngày nay. (1968 - Hiện nay là Bà Radha Burnier : Chủ thích của Trang chủ)

Theo điều lệ thì mỗi khóa Hội Trưởng Trung Ương là 7 năm. Toàn thể Hội viên trong thế giới bỏ thăm kín để bầu cử vị Chánh Hội Trưởng, Nhưng khi có một vị Đại Đức đã bầu lên, chịu lãnh trách nhiệm rồi, thì khóa sau không ai tranh giành nữa. Khi mãn nhiệm kỳ bảy năm, Hội vẫn tổ chức một cuộc Tổng Tuyển Cử, trong toàn thế giới. Cũng có khi một vị Đại Đức khác ra tranh cử, nhưng rồi Hội viên vẫn cứ bầu cử vị cũ nữa. Chỉ trừ khi nào vị ấy già yếu từ chối không ứng cử nữa thì Hội viên mới lựa vị khác thay thế.

Vấn.- Hội Thông Thiên Học có những mục đích gì ?

Đáp.- Hội Thông Thiên Học có ba mục đích chánh là :

1.- Xây dựng tình HUYNH ĐỆ giữa nhơn loại, không phân biệt Nòi giống, Tín ngưỡng, Tôn giáo, Nam Nữ, Giai cấp hoặc Màu da.

2.- Khuyến khích sự nghiên cứu các Tôn giáo, đối chiếu với Triết học và Khoa học.

3.- Nghiên cứu những luật thiên nhiên mà hiện nay Khoa học chưa cắt nghĩa được và những khả năng còn tiềm tàng trong con

người.

Hội không hề bàn đến việc chánh trị.

Mục đích thứ nhất

Vấn.- Tại sao phải xây dựng tình huynh đệ ?

Đáp.- Nhơn loại vì thiếu tình HUYNH ĐỆ nên trong Thế giới sanh ra giặc giả, loạn lạc, giết hại lẫn nhau. Trong xã hội thiếu tình HUYNH ĐỆ mới có sự tranh đấu, lường gạt, hà hiếp kẻ yếu kém, thế cô. Tất cả hành vi tội lỗi đều do thiếu lòng bác ái và HUYNH ĐỆ.

Khi tìm hiểu được Đạo LÝ rồi ta mới biết rằng mỗi người là một CHƠN THẦN. Trên ba ngàn triệu con người trong hoàn cầu là trên ba ngàn triệu chơn thần hay linh hồn.

Tất cả CHƠN THẦN đều là con của thượng Đế, thì tất cả chúng ta là anh em ruột một nhà. Vậy chúng ta phải thương yêu nhau, giúp đỡ lẫn nhau. Đó là tình huynh đệ đại đồng.

Các linh hồn khi thoát kiếp thú qua loài người (1), không đi đầu thai một lượt, vì kẻ đi trước, người đi sau, nên mới có kẻ khôn ngoan, người còn ngu dốt, có kẻ thông minh, người thì chậm hiểu. Hễ linh hồn nào đã đầu thai nhiều kiếp thì biết được nhiều điều kinh nghiệm hơn kẻ mới đầu thai ít kiếp. Bốn phận người đi trước, thông hiểu rồi phải giúp kẻ đi sau còn chậm bước.

Linh hồn nhân loại ở Địa cầu này đều phải trải qua bảy giống dân chánh (Race mère). Mỗi giống dân chánh chia ra 7 nhánh dân phụ (Sous race). Mỗi nhánh dân phụ còn chia ra 7 chi nữa. Khi linh hồn đầu thai tuần tự đủ hết trong 7 giống dân ở Địa cầu này

rồi thì linh hồn sẽ sang qua bầu hành tinh khác (là bầu Thủy tinh) (2) để tiếp tục học hỏi nữa cho đến khi đắc thành chánh quả .

Ở Địa cầu chúng ta, giống dân chánh thứ nhất, và thứ nhì đã tàn lâu rồi. Giống dân da đen bây giờ là nhánh nhóc của giống dân chánh thứ ba (Lemurien). Dân da vàng là nhánh nhóc của giống dân chánh thứ tư (Át lãng). Người Trung Hoa, Mã Lai, Tây Tạng, Hung Gia Lợi, Phin Noa, Éch Ki Mô, Nhựt Bản, Việt Nam thuộc về nhánh thứ bảy của giống dân chánh thứ tư (Át Lãng, gốc người Mông Cổ).

Dân da trắng, người Âu, Mỹ bây giờ là nhánh thứ tư và thứ năm của giống dân chánh thứ 5 (Aryen). Nhánh thứ sáu của giống dân Aryen này mới sản sanh ra tại Úc Châu, California và rải rác khắp nơi trên thế giới. Nhánh dân phụ mới này sẽ thực hiện tình huynh đệ đại Đồng và lòng Bác ái để đi đến có Trục giác. Họ sẵn sàng hy sinh để giúp đời và tỏ dấu ghê tởm các thức ăn bằng thịt máu. Họ sẽ có vài phép thần thông. Nhiều người Hội viên T.T.H. thuộc về nhánh thứ sáu này. Rồi đây linh hồn sẽ đầu thai lần lượt vào nhánh dân phụ thứ bảy, kế đó qua hết 7 nhánh của giống dân chánh thứ sáu và 7 nhánh của giống dân chánh thứ bảy nữa, mới học hết công việc ở bầu trái đất này.

Vì thế màu da và nòi giống không quan hệ gì cả. Mỗi linh hồn đều phải đầu thai vào đủ các giống dân, hoặc trước hay sau mà thôi.

Vấn.- Tại sao Hội không phân biệt Nam Nữ ?

Đáp.- Nhơn loại có thể xác, Nam hay Nữ là để linh hồn dễ bề học tập những đức tánh tốt của mỗi phái, nên không có phái nào quý trọng hơn phái nào.

Theo luật Trời, mỗi linh hồn không đâu thai liên tiếp quá 7 kiếp đàn ông, hoặc quá 7 kiếp đàn bà. Mỗi kiếp đều có bài học riêng. Phận sự đàn bà còn nặng nề cao cả hơn đàn ông nữa, ấy là bảo vệ giống nòi. Sự sanh sản là việc hệ trọng trong đời người và là sự vinh diệu tối cao của hàng phụ nữ, vì người thay mặt Thượng Đế để sang sót sự sống của mình cho một xác thân mới.

Tới giống dân chánh thứ 7, những người tấn hóa cao, không còn cần sự giao hiệp để sanh con như bây giờ. Các ngài sẽ dùng cách Thiên định riêng để sanh hóa như hòi giống dân thứ nhứt.

Vấn.- Trong xã hội sự phân chia giai cấp cũng cần thiết lắm chớ ?

Đáp.- Giai cấp trong xã hội là do sự tấn hóa không đồng bực của Linh Hồn. Mỗi giai cấp có một trách nhiệm để gìn giữ an ninh trật tự trong thế gian. Nếu không ai lớn, ai nhỏ, kẻ dưới không nghe lời người trên thì xã hội sẽ hỗn loạn.

Đối với Thiên Đình thì không có địa vị nào cao hơn địa vị nào; chỉ có trách nhiệm nặng nề hoặc ít quan trọng mà thôi. Mỗi người có một sứ mạng riêng. Bôn phặc bậc Vương Bá Công Hầu với quân sĩ thường nhơn không giống nhau, nhưng nếu mỗi người làm tròn nhiệm vụ thì công đức vẫn tương đương với nhau. Bôn phận người khôn phải chỉ dẫn kẻ dại, người mạnh che chở kẻ yếu, người giàu sang phải giúp đỡ kẻ nghèo hèn. Người T.T.H. phải kính trọng Linh hồn trong xác thịt kẻ khác, nên đối đãi với mọi người như anh em ruột và không vì giai cấp thế gian mà hiếp đáp, hãm hại hay khinh rẽ nhau.

Trong xã hội, nếu thiếu các hạng người làm lụng những công tác nặng nhọc, những việc

làm mà người đời cho là thấp kém, hèn hạ thì cuộc đời sẽ bế tắc, xáo trộn. Cũng như một con ốc nhỏ, một cái chốt trong guồng máy vĩ đại vẫn rất hữu ích như những bộ phận to lớn. Nếu không có nó thì guồng máy phải ngưng trệ.

Đến tín ngưỡng cũng vậy. Hội viên được tự do lựa chọn tín ngưỡng nào mình thích, chớ không ai ép buộc mình phải theo một Tôn giáo nào, vì Tôn giáo nào cũng hữu ích và có giá trị như nhau.

(Còn tiếp theo)

Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Phẩm Bà La Môn

406

*Thiên thân giữa thù địch
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm giữa, nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.*



Tự trào

*Ta về một cõi tâm không
Vẫn nghe quá khứ ngập trong nắng tàn
Còn yêu một thuở đi hoang
Thu trong đáy mắt sao ngàn nửa khuya
Tuệ Sỹ*

THÚ HÓA KIẾP LÀM NGƯỜI

Hoàng Thị Quỳnh Hoa

Đầu tháng June, 2021, tôi cùng bà chị dâu đi New York City chơi. Cháu tôi ở Manhattan, nhà nhìn ra bờ sông Hudson, có thể nhìn thấy tượng thần Tự Do ở xa xa. Một buổi sáng đẹp trời, vợ chồng cháu đẩy xe lăn cho mẹ đi dạo. Tôi cũng mang mask đi theo vào Rockefeller Park dọc bờ sông rất đẹp. Nam thanh nữ tú qua lại khá đông. Rất nhiều người dẫn theo thú cưng là chó cùng đi dạo. Chó đủ cỡ đủ loại, con nào cũng quá đẹp bắt mình phải ngoái đầu nhìn lại. Có con nhỏ bằng bàn tay đứng trong cái túi trước ngực cô chủ đi xe đạp. Tôi chợt nghĩ đến mấy con chó vàng, chó vện của mình ở quê nhà, chó mực nữa, mấy con chó được nuôi không phải để làm bạn với chủ như ở xứ này!

Đã làm kiếp chó tức là không đủ phước báu để được làm người mà cũng bị kỳ thị, cũng xấu đẹp bị đối xử không công bằng. Tùy theo duyên nghiệp, chó sinh ra ở xứ này có cuộc sống khác hẳn chó sinh ra ở Trung Quốc, Đại Hàn, Việt Nam hay Căm Bốt. Và ngay ở cùng một xứ sở, số phận chó cũng thay đổi tùy theo giòng họ chó. Như con Chihuahua hay Pekingese nào ở Tàu cũng được chủ nâng niu, không như số phận của mấy con chó khác. Nhất định là vì nghiệp báo riêng của mỗi con cầu mà số phận chúng khác nhau. Tôi thật ngạc nhiên khi tìm kiếm hình ảnh chó trên mạng, thấy rằng có 9 quốc gia cho phép dân chúng hưởng thụ thú xơi thịt cây mà trong đó có Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ nữa, các bạn có tin không? Thật đó, bán thịt cây cũng như ăn thịt cây được cho là hợp pháp (legal!) ở vài tiểu bang của xứ Cờ Hoa này. Hồi tôi đi dạy ở Việt Nam có người cho tôi một con

Dachshun con rất đẹp nhưng khổ một nỗi là mỗi lần tôi về đến nhà, chị mừng cuống quýt, nhảy tung bưng và té đái ở phòng khách luôn. Không thể nào dọn nước đái chó mỗi ngày nên tôi đành cho nó đi. Không biết về nhà chủ mới thì số phận nó ra sao, có dạy nó được không. Hồi còn là sinh viên, tôi cũng có nuôi một con Fox Terrier của anh bạn cùng lớp cho. Con chó con lông trắng bé tí rất dễ thương. Bạn dẫn phải giữ tên nó là Tiny và phải cắt đuôi khi nó đầy tháng. Hồi ấy ông xã tôi đang là sinh viên y khoa năm thứ Năm. Anh đem dao kéo và thuốc tê đến nhà để cắt đuôi con Tiny. Khi anh vừa chụp nó thì nó la bài hãi làm tôi hoảng quá bảo thả nó ra và ôm nó lại không cho anh cắt đuôi. Vậy là Tiny của tôi là con Fox Terrier độc nhất có đuôi không nhâm lẫn vào đâu được! Lớn lên anh chàng có nhiều đào lắm nên Tiny làm cha nhiều lần. Tiny rất khôn và sạch sẽ không bao giờ làm bậy trong nhà. Nó ở với tôi được 8 năm thì một hôm đi làm về không thấy nó, gọi thì nó ở dưới gầm giường trong phòng tôi lết ra, miệng rỉ máu. Tôi ôm nó lên. Mọi người nói chắc nó ra đường ăn gì bị độc và mấy tiếng sau thì tắt thở. Từ đó tôi không nuôi thú cưng nào nữa và vẫn thương nhớ Tiny.

Trở lại mấy con chó đẹp để được chủ dắt đi dạo công viên ở Manhattan, tôi chợt nghĩ có thể kiếp sau chúng lên làm người vì kiếp chó mà xinh đẹp như vậy cũng đã được nhiều phước báu lắm mà lại được chủ cưng thì tại nó không có cơ hội làm điều gì độc ác để gây quả báo xấu! Và vui thay, chỉ hai tuần sau tôi được đọc chuyện một cô bé ở Nhật, 2 tuổi, nhớ kiếp trước mình là con chó được

nuôi trong nhà ấy. Xưa nay, giai thoại người chết chuyển kiếp thành heo, chó, dê, bò thì nhiều nhưng chưa hề thấy thú vật chuyển kiếp thành người như cô bé Nhật Bản này. Ngày 21 June, 2021 chuyện cô bé nhớ tiền kiếp của mình được chuyển lên mạng cùng với hình ảnh mũm mĩm dễ thương của cô ở kiếp này và của con chó ở kiếp trước.

Mẹ bé Yu-chan chia sẻ câu chuyện luân hồi của con gái 2 tuổi trên tờ “*Yomiuri Shimbun*,” một trong năm thời báo quốc gia của nước Nhật. Bà mẹ trẻ cho biết một ngày nọ, bé Yu-chan đang vừa đánh răng vừa trò chuyện với mẹ, bỗng thốt lên: “*Yu-chan hồi trước là Mofuzou!*” Rồi nói tiếp: “*Đồ ăn giòn giòn cho thú cưng rất là ngon.*” Bà sững sờ trân trân nhìn con vì Mofuzou là tên con chó bà nuôi lúc còn độc thân. Bà chưa từng nói với con về con chó Mofuzou mà cũng chưa cho con xem hình Mofuzou. Yu-chan nói tiếp là Mofuzou có bạn tên Mofuko cùng chơi đùa. Mẹ cô cũng còn nhớ con chó Mofuko. Bà hỏi con nhiều chi tiết về con chó Mofuzou thì cô bé trả lời đúng hết. Bà đưa ra một lô hình chụp với nhiều thú cưng thì Yu-chan nhận diện được Mofuzou liền không chút do dự. Câu chuyện luân hồi lạ lùng này thu hút được nhiều độc giả và được giải thưởng của tờ Yomiruri năm 2016. Mẹ Yu-chan nói rằng trước kia mình không tin những chuyện kiếp trước kiếp sau nhưng từ khi trải qua chuyện này bà bắt đầu tìm đọc những chuyện trẻ thơ nhớ kiếp trước. Tuy thật là khó tin, nhưng không thể không tin vì chuyện đã xảy ra với chính con gái mình. Nay thì có rất nhiều sách vở ghi lại những công trình nghiên cứu về vấn đề nhớ kiếp trước kiếp sau mà tiêu biểu là cuốn *Reincarnation and Biology* gồm hai pho sách cả mấy ngàn trang của GS Bác sĩ Ian Stevenson được xuất bản lần đầu năm 1997.

Ai đi qua Sóc Trăng ở miền Tây cũng đều nghe truyền thuyết về một bà mẹ trẻ xin thầy trụ trì cứu bốn đứa con của bà bị đọa làm heo. Năm 2016, Bạch Tuyết, cô học trò năm xưa, theo tôi đi thăm Cà Mau. Trên đường về chúng tôi ghé Sóc Trăng thăm chùa Dơi, một điểm đến của du khách. Chùa Dơi có tên Miên là Mahatup, đọc trại ra là Mã Tộc, được xây cất bởi người Miên theo Phật giáo Nguyên Thủy từ ngày vùng đất này là một phần của nước Chân Lạp (Căm Bốt ngày nay). Chúng tôi được hướng dẫn ra vườn sau thăm mộ bốn con heo. Tương truyền có một đêm thầy trụ trì nằm mơ thấy một bà mẹ trẻ dẫn 4 đứa con nhỏ đến lạy xin cứu mạng. Sáng ra, con heo nái của chùa sinh bốn heo con. Thầy nghĩ chắc linh ứng với giấc mơ nên thầy cho nuôi bốn con heo này cho đến khi chúng chết thì được chôn ở vườn sau!

Sau đây là câu chuyện người hóa kiếp thành heo mà tôi mới vừa được đọc. Chuyện xảy ra ở Ấp Đông An, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Con trai tên Võ Thành Đầm tự Út, 43 tuổi. Vợ là Dương Thị Chơn. Anh Đầm mơ thấy cha tên Võ Văn Minh chết năm ông 78 tuổi. Giấc mơ thứ nhất xảy ra đêm 21 tháng 10, 2013: “Út ơi, ba chết rồi đầu thai làm heo ở xóm ngoài. Trước mũi của ba có hai lần rạch xuống, đó chính là râu của ba. Còn ở đuôi sau có một cái đốm đen. Khi nào tới chuồng thì ba nhảy lên mừng con.” Thức dậy, anh kể cho vợ nghe, vợ kêu là mê tín không tin. Sáu ngày sau, anh lại mơ thấy y hệt như lần trước nhưng anh vẫn lo đi làm thuê không nghĩ tới. Hai mươi ngày sau, anh lại thấy cha báo mộng, “Sao ba báo cho con hai lần mà con không đi tìm ba. Ba buồn, ba bỏ ăn nên bị người ta đè ra chích thuốc! Ông con không lý tới giấc mộng, vẫn lo đi làm. Đêm 22 tháng 11, cha về báo mộng cho con dâu: “Vợ thằng Út ơi, đi tìm ba đi. Ba khổ lắm. Ba trông đợi lắm.”

Rạng ngày 23, chị vợ âm thầm đi tìm “ông già”. Khi đến chuồng heo của chị Lê Mỹ Hạnh ở xóm ngoài, quả nhiên con heo nái mới sanh một bầy bầy con. Bà Phạm Thị Cúc, mẹ chị Hạnh, kể con gái bà nuôi heo để bán thịt, không bán heo con nhưng họ bằng lòng bán con heo ấy với giá 2 triệu rưỡi khi được nghe kể về giấc mơ. Mà cũng lạ là con heo này hay nằm, buồn buồn không giống như sáu con kia. Họ sợ heo bệnh nên đã gọi thú y đến chích thuốc, trùng hợp với giấc mơ của anh Út. Chị vợ kể heo nhảy lên mừng khi chị đến chuồng và khi đem lên xe thì ngồi êm rơ. Bây giờ thì anh Út tin con heo là cha mình nên không dám cho ăn cám mà cho ăn thức ăn như người, cho uống nước trà đường, ngủ mừng. Làng trên xóm dưới chạy đến nhà thăm “cha anh Út”. Và heo cũng vui mừng chạy ra ủi ủi giò nhiều người. Heo rất thích bánh ngọt. Mặc dù trong giấc mơ cha anh có nói sau khi đem về thì cầu nguyện trong ba ngày rồi đem giết đi để ông được siêu thoát nhưng anh Út không dám giết. 41 ngày sau, heo không bị bệnh mà lăn đùng ra chết!

(Nguồn: GUU.VN)

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Ăn Trộm Dạy Con

Xưa, có một tên đạo chích rất lành nghề, một hôm con trai y ngộ ý học nghề của cha, tên ăn trộm liền dẫn con đi thực tập.

Hai cha con đến một nhà giàu có đánh bả cho lũ chó chết mê mết xong đạo chích đào gạch khoét vách, dắt con chun vào nhà.

Cả nhà đang ngủ say như chết, tên trộm thấy một

cái rương to còn trống bèn giở nắp rương ra, bảo con:

- Con chun vào đây, hốt hết đồ đạc bỏ vô bao cho cha.

Thằng con y lời, đạo chích bèn đóng nắp gài khoen lại ... rồi lên ra khỏi nhà, hô hoán lên âm ỉ:

- Ăn trộm! Ăn trộm!

Chủ nhà bừng tỉnh, thấy nhà bị khoét vách, đảo đạc tìm kiếm hồi lâu, không thấy động tĩnh chi hết liền đi ngủ lại.

Thằng con lão chích nằm chết điếng trong rương, tái tê vì sợ và hận cha khôn tả. Hồi lâu hấn nghĩ ra một kế thoát thân, bèn lấy tay sột soạt vào thành rương và giả tiếng chuột kêu “chí chí” để đánh lừa chủ nhà.

Nghe chuột kêu, chủ nhà vội thức giấc đốt đèn mở rương đuổi chuột, thằng bé liền nhóm dậy, tắt đèn, xô té chủ nhà tông cửa chạy một mạch. Chủ nhà lục tục kéo nhau, vừa chửi vừa đuổi theo.

Thằng bé chạy đến đường cùng thì gặp một cái giếng, nó vội vàng ôm một cục đá to liệng xuống giếng và tri hô.

- Thằng ăn trộm rớt xuống giếng rồi làng xóm ơi! Mọi người đồ xô nhau kéo đến giếng để bắt trộm, thằng bé chạy một mạch về nhà.

Gặp cha, thằng bé òa lên khóc và không tiếc lời để oán trách cha, đạo chích chỉ mỉm cười nói:

- Khoan đã, con hãy kể cho cha nghe con đã thoát thân bằng cách nào?

Cậu con thuật lại từ đầu chí đuôi, lão chích vỗ tay cười ha hả:

- Hay quá! Con tôi đã thành nghề rồi!

CHUYỆN HOẰNG PHÁP NƠI HẢI NGOẠI

Nguyễn Giác

Bài viết này chỉ là những suy nghĩ rời. Nói theo ngôn ngữ thường dùng là viết theo thể văn tản mạn. Nghĩa là, không phải sắp xếp, lý luận theo một hệ thống. Bài viết khởi lên từ cuộc nói chuyện rời trong khi ngồi trên xe của nhạc sĩ Tâm Nhuận Phúc Doãn Quốc Hưng từ Quận Cam tới tham dự một Phật sự tại Riverside, California.

Trước tiên, là xin nói lên niềm vui. Anh bạn trẻ Tâm Nhuận Phúc là học trò của Hòa Thượng Thích Phước Tịnh, một vị thầy từ nhiều thập niên lưu trú như một Thiền khách ở Tu Viện Lộc Uyển thuộc Làng Mai. Vì Thầy Phước Tịnh không có chùa riêng, nên bạn Tâm Nhuận Phúc có nhiều hoạt động khắp nơi, cũng không trụ nơi nào. Có khi bạn hợp tác với Tâm Thường Định Bạch Xuân Phê từ Sacramento tới để tổ chức các buổi Thiền Chánh Niệm với các giáo viên, học sinh hay đoàn viên Gia Đình Phật Tử. Có khi bạn hoạt động cùng Giới Trẻ Mây Từ trong các Phật sự, mời quý Tăng Ni mở các buổi thuyết pháp hay Thiền tập ở Quận Cam. Khi thấy cần hỗ trợ Thầy Phước Tịnh giảng dạy về Thiền Tập Thập Mục Ngưu Đồ, bạn trẻ này phổ nhạc liền 10 bài ca chẵn trâu cho các buổi thuyết giảng dễ nhớ. Có khi, bạn Tâm Nhuận Phúc tham gia cuộc thi viết về các đề tài Phật giáo trong Giải Hương Sen do Ni Trưởng Thích Nữ Giới Hương tổ chức. Và có khi Tâm Nhuận Phúc cầm đàn guitar tới giúp vui cho bất kỳ nơi nào các Phật tử cần tới. Và nhiều Phật sự khác.

Tôi suy nghĩ, những người có tâm, có trình độ, đa tài, và đa năng như thế rất hiếm. Môi

trường để hình thành các nhân tài Phật giáo như thế có khi là cơ may, như trường hợp bạn trẻ này, trưởng thành từ một gia đình có giáo dục truyền thống (con của nhà văn Doãn Quốc Sỹ), có cơ duyên gặp với nhiều vị Tăng và Ni xuất sắc từ trong nước ra tới hải ngoại (khi còn trong VN nhiều thập niên trước, bạn này từng hỗ trợ Thầy Giác Thanh, khi thầy này còn sinh tiền, trong các hoạt động từ thiện và hoằng pháp theo tông phong Thầy Nhất Hạnh), cơ duyên gặp nhiều thiện tri thức (như gặp Cư sĩ Tâm Thường Định, Cư sĩ Tâm Huy Huỳnh Kim Quang, và nhiều bạn khác), và nhiều cơ duyên khác. Câu hỏi nên nêu ra là: Làm sao các giáo hội có thể đào tạo thật nhiều những người trẻ như thế được? Bởi vì, hiển nhiên cần thấy rằng nhiều chỗ các Tăng Ni không nên bước vào, hoặc không thể bước vào, nhưng chỉ cư sĩ mới vào được. Phải chi tất cả các chùa trong và ngoài VN đều có các cư sĩ thuần thành và đa năng như thế.

Khi tôi nói rằng tôi dự định sẽ viết bản tin trên báo về buổi Lễ Tưởng Niệm Đức Thánh Tổ Ni Kiều Đàm Di tổ chức ở Chùa Hương Sen, tại thành phố Perris, quận Riverside, California, bạn Tâm Nhuận Phúc nói là bạn sẽ viết thay cho tôi. Vậy thì tốt lắm, bạn viết giùm nhen, tôi nói, mình mừng lắm. Có anh bạn trẻ này hỗ trợ các Phật sự hiển nhiên là tuyệt vời. Tôi nói rằng viết là một kỹ năng cực kỳ quan trọng. Tôi từng ước mơ rằng tất cả các tăng ni cư sĩ trong và ngoài nước giỏi nghề viết, và giỏi Anh văn.

Cuộc nói chuyện giữa anh bạn trẻ Tâm

Nhuận Phúc và tôi tự nhiên chuyển sang Thầy Pháp Hòa, một vị Thầy nổi tiếng trên YouTube về thuyết pháp. Tôi nói, tôi kinh ngạc về hai vị thầy nổi tiếng về hoàng pháp là Thầy Nhất Hạnh và Thầy Pháp Hòa, một người viết và một người nói. Thầy Nhất Hạnh uyên bác và viết tuyệt vời, trong khi Thầy Pháp Hòa thuyết pháp thu phục số lượng người nghe lúc nào cũng kỷ lục. Mọi trường đào tạo và cơ duyên để họ xuất hiện phải là nhiều đời, nhiều kiếp. Không thể nào đào tạo một kiếp mà có những vị hy hữu như thế. Nói theo kiểu Tây phương, cả hai nhà sư siêu xuất này là thiên tài. Dĩ nhiên, hai vị này cũng phải tự rèn luyện, tự học, tự mài giũa, chứ không phải tự nhiên.

Cuộc nói chuyện trên xe rồi cũng tự nhiên tới chỗ phân ly bộ phái. Chuyện phân ly bộ phái hiện nay đã hiện lộ ra trên các email, các egroup, Facebook, và cả trên truyền hình. Nghĩa là, khắp mọi nơi. Một số vị Nam Tông thì nói rằng kinh điển Bắc Tông là không phải lời Phật dạy. Một số vị Bắc Tông thì nói rằng tâm của các vị Nam Tông chưa tương ưng, vì còn ngồi ở hóa thành.

Tôi nói với bạn Tâm Nhuận Phúc rằng nếu tất cả các vị sư trong và ngoài nước đều giỏi tiếng Anh để theo dõi các cuộc thảo luận trên nhiều mạng quốc tế về bộ phái thì các vị sư trong và ngoài VN sẽ không bận tâm chuyện bộ phái nữa, và sẽ tự biết cách chọn lọc những gì có ích cho đường tu của bản thân. Nhiều người Theravada tự nhận là “Phật giáo nguyên thủy” là sai lầm, vì Theravada chỉ xuất hiện sau Đức Phật hai thế kỷ, sau thời kỳ khoảng 20 bộ phái xuất hiện và tranh luận. Đứng ra, phải dịch Theravada là Trưởng Lão Bộ.

Trong ngôn ngữ quốc tế hiện nay, chữ “Phật

giáo nguyên thủy” là một phẩm tính, mà không phải là bộ phái, vì không có bộ phái nào như thế. Thí dụ, các Kinh Nikaya và các Kinh A Hàm được các học giả dịch là “Early Buddhism” – tức là, Phật giáo sơ thời, hay Phật giáo sơ kỳ. Tuy nhiên, ngay cả trong hai tạng Kinh này, vẫn có một số kinh đời sau chen vào. Có hai nhóm Kinh trong nhóm xưa nhất, được Đức Phật chọn cho các tăng ni cư sĩ dùng làm Kinh Nhật Tụng khi Đức Phật còn sinh tiền là hai phẩm cuối của Kinh Tập, trong Tiểu Bộ. Chúng ta sẽ thấy rằng hai nhóm kinh nhật tụng (tức là tụng đọc lớn tiếng hàng ngày) đều y hệt như ngôn ngữ Thiền Tông Trung Hoa. Đọc giả thắc mắc có thể vào Google và gõ nhóm chữ “Kinh Nhật Tụng Sơ Thời” tức là, bản dịch của nhóm Kinh Atthakavagga (Phẩm Tám, Kinh Tập) và nhóm Kinh Parayanavagga (Phẩm Qua Bờ Bên Kia, Kinh Tập). Và trong hai phẩm nhật tụng này, Đức Phật không nói chuyện ngồi, không nói chuyện thờ, mà chỉ nói về an tâm, nói về nhận ra sự thật của pháp giới. Vì chuyện ngồi, chuyện thờ chỉ là cây gậy dò đường khi cần thiết thôi. Và đọc cho kỹ, người ta sẽ thấy phẩm chất “Phật Giáo nguyên thủy” đó nằm sẵn trong Bát Nhã Tâm Kinh, trong Kinh Kim Cang, trong Pháp Bảo Đàn Kinh.

Tôi nói với bạn Tâm Nhuận Phúc rằng, nếu bạn gặp ai thắc mắc chuyện bộ phái, thì bạn nên nói rằng Đức Phật không bàn chuyện bộ phái. Thí dụ, nếu có ai hỏi tôi, thì tôi sẽ nói với người thắc mắc rằng, bây giờ bạn hãy lắng tâm, nhìn vào tâm bạn xem, ngay giây phút này, đừng nghĩ ngợi gì, nhìn vào tâm xem. Rằng, có phải khoảnh khắc này là "không nghĩ thiện, không nghĩ ác" như lời Lục Tổ Huệ Năng dạy Thượng Tọa Minh, đúng không. Tương tự, Kinh Kim Cương cũng nói "ung vô sở trụ nhi sanh kỳ

tâm" (chớ để tâm trụ vào bất kỳ pháp nào, thì đó là tâm giải thoát). Có thầy Nam hay Bắc gì không?

Trong nhiều Kinh Nikaya và A Hàm, Đức Phật cũng dạy "đừng nghĩ thiện, đừng nghĩ ác" khi Ngài nói rằng đừng nuôi tiếc quá khứ, đừng mơ tưởng tương lai, và cũng đừng nắm giữ hiện tại.

Tương tự Kinh Sn 4.4: Suddhatthaka Sutta trong Kinh Tập, viết rằng, "Thiện và ác không còn dính mắc gì nữa với người đã buông bỏ hết, không còn tạo tác gì." Và nhiều bài kệ trong Kinh Pháp Cú cũng nói phải buông bỏ cả tâm thiện và tâm ác. Thế là đủ rồi, không cần tu gì khác. Nếu không được như thế thì mới nên tu.

Tôi nói với bạn Tâm Nhuận Phúc, bạn hãy hỏi những người thắc mắc đó: "Lúc này, ngay khi bạn đang thấy bông hoa, đang nghe chim hót... không khởi niệm tham sân si nào hết, thì có thấy bộ phái, nam hay bắc gì chen vào trong cái thấy, cái nghe của bạn lúc này không? Hễ có cái gì chen vào là bệnh."

Trường hợp ngộ đạo của ngài Xá Lợi Phất, tức là Ngài Sariputta, cũng không Nam hay Bắc gì. Khi còn là một ngoại đạo, ngài gặp một môn đệ của Đức Phật là Trưởng lão A-thuyết-thị (Assaji). Ngài Xá Lợi Phất hỏi về pháp, thì được ngài A-thuyết-thị nói "Duyên khởi kệ":

*Các pháp nhân duyên sinh
Cũng theo nhân duyên diệt
Nhân duyên sinh diệt này
Phật Đại sa-môn thuyết.*

Nghe xong, ngài Xá-lợi-phất liền ngộ được Đạo Lý Duyên Khởi, chứng sơ quả Tu Đà Hoàn, một trong Tứ Thánh Quả. Theo

sách "The Life of Sariputta" (ấn bản 1994) của ngài Nyanaponika Thera thì nghe 4 câu xong, Ngài Xá Lợi Phất chứng quả Dự Lưu (tức Tu Đà Hoàn).

Thấy như thế, thì không có yếu tố Nam Tông hay Bắc Tông gì. Hễ khởi tâm Nam hay Bắc là chệch đường liền.

Tương tự, ngài Long Thọ đời sau viết trong Trung Luận:

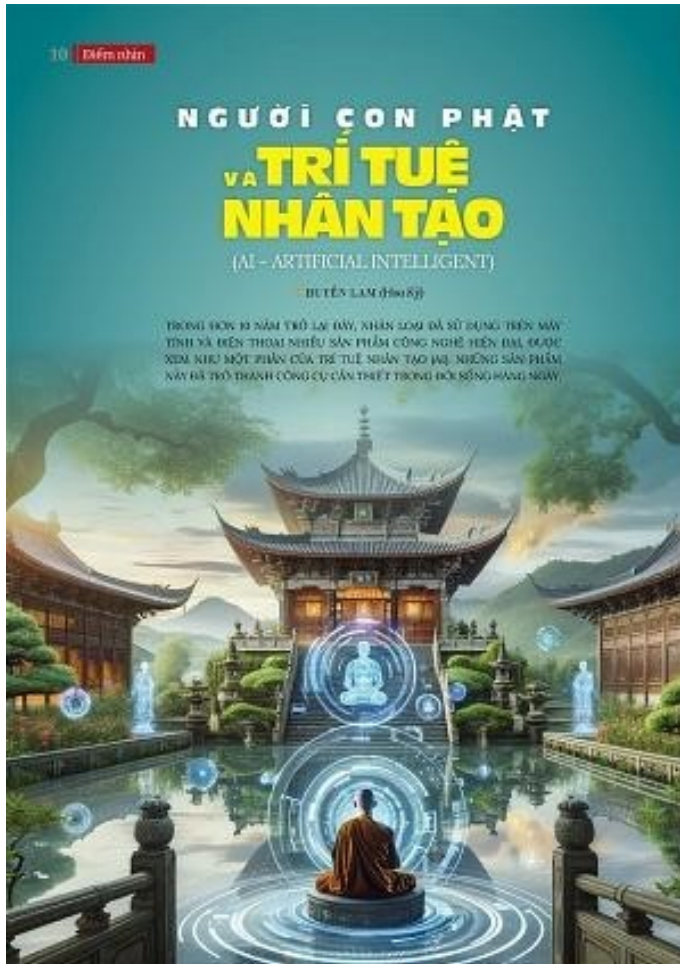
*Chư pháp bất tự sinh/ Diệc bất tùng tha sinh / Bất cộng bất vô nhân/ Thị cố tri vô sinh/
(Các pháp không tự sinh / Cũng không từ tha sinh / Không cộng, không vô nhân / Cho nên mới biết là vô sinh)*

Đây là cội nguồn Phật giáo nguyên thủy thực tế đang chan hòa trong Kinh luận của Bắc Tông. Người thường trực thấy như thế, chính là Thấy Tánh, thấy được pháp vô sinh, pháp vô vi... và không cần tu gì nữa, chỉ là giữ gìn cái thấy này thôi. Cả hai nhóm Kinh Nhật Tụng Sơ Thời đều nói về cái nhìn này. Đó là Thiên Tông, là cái thấy tròn đầy. Thấy Như Thật là thấy như thế, chớ không phải chuyện ngó xanh, đỏ, tím, vàng mà thấy xanh, đỏ, tím, vàng... sẽ là lạc đường.

Những lời ghi trên chỉ là tản mạn, nhân một chuyến đi Phật sự, hoàn toàn không có ý ám chỉ tới bất cứ ai hay bất cứ chuyện gì. Ghi lại những ý này chỉ là muốn đưa ra cái nhìn chân chính về Thấy Phật, để Thấy Pháp. Cái thấy này cũng là trong Bát Nhã Tâm Kinh. Tận thâm sâu cốt tủy kinh điển là như thế. Hễ thấy chuyện Nam hay Bắc gì đều là sai./-

NGƯỜI CON PHẬT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI - ARTIFICIAL INTELLIGENCE)

Huyền Lam



Trong hơn 10 năm trở lại đây, nhân loại đã sử dụng trên máy tính và điện thoại nhiều sản phẩm công nghệ hiện đại, được xem như một phần của trí tuệ nhân tạo (AI). Những sản phẩm này đã trở thành công cụ cần thiết trong đời sống hàng ngày.

Điện hình Google Map, chỉ cần nạp địa chỉ là ứng dụng này sẽ hướng dẫn đi đến nơi đến chốn, hoặc Google Translate có thể dịch hầu hết mọi ngôn ngữ ra tiếng Việt trong chớp

mắt, giúp chúng ta có thể đọc tất cả bản văn, tin tức trên mạng được viết bằng ngoại ngữ. Nhiều sản phẩm AI được dùng trên mạng xã hội như đọc bài viết bằng giọng nam hay nữ, làm đẹp hình chụp qua các bộ lọc, tạo hình vẽ hội họa, v.v.

Tuy nhiên sự ra đời của những ứng dụng trí tuệ nhân tạo như ChatGPT.com hoặc Bard.google.com gần đây đã gây sốc trên toàn thế giới. Mọi người đều có thể truy cập hoặc tải về điện thoại ứng dụng trí tuệ nhân tạo này. Chúng có khả năng trả lời mọi vấn đề có tính cách rất người cùng sự hiểu biết sâu rộng mà không một cá nhân nào làm được.

Ví dụ như khi ta truy cập ChatGPT.com hoặc Bard.google.com, ta có thể hỏi những vấn đề thường ngày cho đến chuyên môn như y khoa, công nghệ, pháp luật, mỹ thuật, không gian, quân sự, tôn giáo, v.v., bằng hầu hết mọi ngôn ngữ, bao gồm cả tiếng Việt và sẽ được trả lời khá chi tiết chuyên sâu. Các AI này có thể viết luận án tiến sĩ, làm thơ, làm toán, viết tiểu thuyết, lập kế hoạch khởi nghiệp, lập trình điện toán phức tạp... chỉ trong vài giây hoặc vài phút.

Sự thông minh và khả năng vô tận của trí tuệ nhân tạo (AI) đã khiến giới bác học hàn lâm ưu tú trên thế giới, trong đó có những vị đứng đầu lĩnh vực khoa học điện toán lo ngại sự diệt chủng của nhân loại trong tương lai. Elon Musk, người giàu nhất nhì thế giới, nắm trong tay nhiều công nghệ tiên tiến trọng yếu cùng hơn 1.000 nhà khoa

học lỗi lạc đã kêu gọi tất cả các công ty AI hãy ngừng lại trước khi quá trễ [1].

Sở dĩ các nhà khoa học lo sợ trí tuệ nhân tạo vì chúng được thiết kế từ các trung tâm điện toán liên kết, tự học từ những dữ liệu trên mạng được lưu trữ tại các kho dữ liệu điện toán vô tận trên toàn thế giới. Với khả năng tự học, AI có thể tự tạo ra những giải pháp tốt đẹp cho con người nhưng cũng có thể tạo những giải pháp gây hại cho con người.

Chúng ta hãy cùng thử công cụ AI ChatGPT bằng cách đặt câu hỏi tiếng Việt như sau: Phật là gì?

ChatGPT trả lời bằng tiếng Việt: *Phật là từ để chỉ Siddhartha Gautama, một vị giáo sư và nhà sáng lập đạo Phật giáo. Theo truyền thống Phật giáo, ông được sinh ra ở Lumbini, Nepal, vào thế kỷ thứ V trước Công nguyên và đã trải qua nhiều năm tìm kiếm giác ngộ thông qua thiền định và kỷ luật tự thân.*

Sau sáu năm tập trung vào việc tu hành tâm linh, Phật đã đạt giác ngộ khi đang ngồi dưới gốc cây bồ-đề. Sau đó, ông đã dành phần còn lại của cuộc đời để giảng dạy cho người khác về con đường đến giác ngộ, mà ông gọi là "Con đường giữa".

Những giảng dạy của Phật tập trung vào Tứ Diệu Đế, Tám Bát Đạo, mang lại một hướng dẫn để sống một cuộc sống tràn đầy lòng nhân ái, khôn ngoan và sự chánh niệm. Ngày nay, Phật giáo là một tôn giáo lớn trên thế giới với hàng triệu tín đồ trên toàn cầu[2].

Chúng ta thử dùng Bard.Google.com với câu hỏi: Lợi ích của việc ăn chay?

Bard trả lời: *Ăn chay là chế độ ăn kiêng loại bỏ thịt và các sản phẩm từ động vật, bao gồm thịt đỏ, thịt gia cầm, cá, trứng, sữa và các sản phẩm từ sữa. Có nhiều loại chế độ ăn chay khác nhau, tùy thuộc vào mức độ nghiêm ngặt của việc loại bỏ các sản phẩm từ động vật.*

Ăn chay có thể mang lại nhiều lợi ích cho sức khỏe, bao gồm:

- *Giảm nguy cơ mắc bệnh tim mạch: Chế độ ăn chay thường chứa nhiều chất xơ, vitamin, khoáng chất và chất chống oxy hóa, có thể giúp giảm cholesterol, huyết áp và giảm nguy cơ mắc bệnh tim mạch.*

- *Giảm nguy cơ mắc bệnh tiểu đường loại 2: Chế độ ăn chay có thể giúp kiểm soát lượng đường trong máu và giảm nguy cơ mắc bệnh tiểu đường loại 2.*

- *Giảm nguy cơ mắc một số loại ung thư: Chế độ ăn chay có thể giúp giảm nguy cơ mắc một số loại ung thư, bao gồm ung thư đại trực tràng, ung thư vú và ung thư tuyến tiền liệt.*

- *Giảm nguy cơ mắc bệnh béo phì: Chế độ ăn chay thường chứa ít calo và chất béo hơn chế độ ăn có thịt, có thể giúp giảm cân và duy trì cân nặng hợp lý.*

- *Tăng cường sức khỏe tiêu hóa: Chế độ ăn chay thường chứa nhiều chất xơ, có thể giúp cải thiện sức khỏe tiêu hóa và giảm nguy cơ táo bón.*

- *Cải thiện làn da: Chế độ ăn chay có thể giúp cải thiện làn da, giảm mụn trứng cá và làm chậm quá trình lão hóa.*

Ngoài ra, ăn chay cũng có thể mang lại một số lợi ích khác cho môi trường và đạo đức. Chế độ ăn chay có thể giúp giảm lượng khí thải nhà kính, giảm sử dụng đất và nước, và giảm sự tàn phá môi trường. Ngoài ra, ăn chay cũng có thể được xem là một cách thể hiện sự tôn trọng đối với động vật....

Tuy nhiên, ăn chay cũng có thể dẫn đến một số thiếu hụt chất dinh dưỡng, nếu không được lên kế hoạch cẩn thận. Một số chất dinh dưỡng quan trọng cần được bổ sung khi ăn chay bao gồm protein, sắt, canxi, vitamin B12 và vitamin D...[2]

Đọc phần trả lời của trí tuệ nhân tạo, chúng ta hẳn ngạc nhiên vì sao một cỗ máy vô tri vô giác có thể trả lời như người trước mọi vấn đề dù chút ít chưa hoàn hảo. Hai câu hỏi trên chỉ là câu hỏi nhỏ trong hàng tỷ câu hỏi của muôn vàn lĩnh vực khác nhau mà ta có thể hỏi.

Đứng trước sự phát triển Trí tuệ nhân tạo mà nhiều nhà bác học lo sợ hủy diệt nhân loại, người con Phật chúng ta đối diện vấn đề này như thế nào?

Cũng như bao dụng cụ do con người tạo ra từ xưa đến nay nhằm tăng tính hiệu quả đều luôn tùy thuộc vào tâm thức của người sử dụng. Thuở hồng hoang thời kỳ đồ đá, khi con người phát hiện dùng đá có thể dễ dàng đập vỡ sò, vỏ cứng trái cây thì cũng thấy rằng dùng đá có thể làm vũ khí sát hại hiệu quả hơn.

Xe hơi, máy bay giúp con người di chuyển nhanh hơn nhưng cũng đồng nghĩa con người có thể đi cướp bóc, chiến tranh ở những nơi xa một cách dễ dàng. Khoa học nguyên tử giúp con người tạo ra nguồn điện, nguồn năng lượng gần như vô tận nhưng cũng tạo ra vũ khí giết chết mọi

sự sống trên trái đất này chỉ trong nháy mắt. Sự phát minh ra điện thoại di động và các ứng dụng đã giúp con người có thể giao dịch thương mại, ngân hàng, trao đổi nhanh chóng trong lòng bàn tay nhưng đồng thời cũng giúp người tâm địa xấu có thể lừa gạt, chiếm đoạt tài sản cũng trong lòng bàn tay.

Sự phát triển của mạng internet và mạng xã hội giúp loài người tiếp thu nhiều điều hay nhưng điều xấu cũng lan tràn đầy rẫy. Điển hình như người con Phật chúng ta có thể chia sẻ những lời Phật dạy dễ dàng hơn, được xem, được nghe những bài thuyết pháp giá trị của chư tôn đức dù ở nơi xa xôi, nhưng chúng ta cũng dễ dàng gặp phải những “tà đạo” mượn danh Phật, những “tà sư” mượn danh sư khiến những người chưa có cơ hội học Phật chân chính dễ bị lừa gạt lôi cuốn vào đường tà.

Trí tuệ nhân tạo là công cụ do con người tạo ra cũng không nằm ngoài quy luật sự sử dụng tùy thuộc vào tâm thức con người. Chúng ta là những người may mắn được nương tựa vào Phật - đấng giác ngộ, được học và hành những lời Phật dạy để trí tuệ và lòng từ khai mở, được nương tựa Tăng đoàn. Thế nên khi chúng ta tiếp xúc trí tuệ nhân tạo cũng không khác gì khi tiếp xúc các công cụ khác. Chúng ta càng thực hành lời Phật dạy thì trí tuệ chúng ta càng khai mở, lòng từ càng bao la và kết quả của ta sử dụng trí tuệ nhân tạo càng thiện lành lợi lạc cho chính ta và chúng sanh.

Vậy sự lo lắng của giới hàn lâm: trí tuệ nhân tạo có thể hủy diệt nhân loại có đúng do công cụ này có thể tự học và tự ra quyết định? Sự lo lắng này có thành sự thật hay không là tùy vào cộng nghiệp - tâm Phật của nhân loại. Trí tuệ nhân tạo được hình thành từ việc

thâu thập dữ liệu, văn kiện, bài viết trên mạng và trên kho dữ liệu. Đây là những chủng tử được nạp vào. Càng nhiều người hành trì giáo pháp Đức Phật hoặc có tâm thiện lành thì càng có nhiều dữ liệu lành trên mạng để AI nạp vào.

Cũng như chúng sanh, càng nhiều chủng tử lành trong tâm thì những quyết định hoặc sản phẩm tạo ra có khuynh hướng thiện. Thật ra trí tuệ nhân tạo phần nào cũng gần giống như bản sao, bản đúc kết của mạng internet: Càng nhiều người có tâm xấu thì càng xuất hiện nhiều bài viết, video tiêu cực, gieo rắc hận thù, dục tính, lòng tham.. để đây con người đến chiến tranh bạo lực hủy diệt lẫn nhau. Càng nhiều người có tâm tốt thì thông tin trên mạng càng tích cực, giúp người an vui, trí tuệ thông đạt.

Cách tốt nhất cho mỗi chúng ta tiếp giao với nền công nghệ hiện tại lẫn tương lai, bao gồm trí tuệ nhân tạo là trở về nương tựa vào Chánh pháp Như Lai và giúp những người thân quen có cơ hội biết đến Chánh pháp Như Lai. Mỗi chúng ta là một tâm lành trong cộng đồng nhân loại. Nhân loại càng nhiều chủng tử tâm lành thì các công cụ do con người làm ra càng giúp đời sống an vui thiện lành.

[1] <https://www.nytimes.com/2023/03/29/technology/ai-artificial-intelligence-musk-risks.html>

[2] Đáp án của AI có thể khác biệt tùy theo thời điểm, do nguồn dữ liệu AI học được tại thời điểm đó.

(Bài trên Báo Giác Ngộ số 1235)

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Trò Chơi Bắt Dê

Potthila là vị giáo thọ của một tăng đoàn ở tịnh xá Đại Lâm.

Sư tinh thâm tam tạng, uy nghi cốt cách sư phạm rất đường bệ... chỉ hiềm một điều là sư chưa chứng quả, dù sư đã được đức Phật cắt đặt công việc trùng tuyên kinh luật cho một hội chúng tỳ kheo đông đảo. Vì thế, mỗi lần sư Potthila đến hầu thăm Phật, đức Thế Tôn liền gọi một cách thân ái lẫn trêu chọc:

- Á đây! Cái ông sư rỗng đã đến!

Và khi sư cáo từ, Ngài liền bảo đại chúng:

- Cái sư thầy rỗng đó đi rồi!

Những lời nói này lọt vào tai Potthila làm cho sư vô cùng đau xót. Biết đức từ phụ muốn khuyên khích mình, tôn giả Potthila lấy làm bối rối, không biết làm cách nào để hạ thủ công phu sao cho thành một ông sư “đặc” hẳn hoi.

Cho đến một hôm lòng buồn tột độ, tôn giả bỏ hội chúng vào rừng, nhà sư đáng thương này đi hoài đi mãi cho thật xa cái nơi mà uy danh giáo thọ đã làm ngài cực lòng khôn tả đó. Và cuối cùng sư gặp phải 30 vị La Hán đang ẩn cư trong rừng, vốn là học trò cũ của sư.

Tôn giả Potthila đến đánh lễ với vị thủ tòa, khiêm tốn xin vị này chỉ cho cách hạ thủ công phu.

Vị thủ tòa mỉm cười:

-Ồ! Làm sao tôi dám làm điều đó bạch thượng tọa? Khi Ngài là vị giáo thọ của tôi.

Tôn giả bị đẩy xuống đệ nhị tòa cũng bị từ chối... cuối cùng tôn giả đến trước vị La Hán thứ 30, nhỏ tuổi nhất, mới lên 7, van nài một cách khẩn thiết:

-Bạch đại đức! Xin đại đức thương xót chỉ cho con cách “hạ thủ công phu.”

Vị La Hán trẻ tuổi im lặng tiếp tục vá áo. Tôn giả Potthila tiếp tục van nài một cách tuyệt vọng... đến nỗi vị thánh tăng tí ton này phải mở lời:

-Ồ! Thượng tọa, tuy Ngài nói thế nhưng tuổi tác và sở học của tôi kém Ngài rất xa... e rằng lời tôi hãy còn nhẹ lắm liệu Ngài có tin nổi hay không?

-Bạch đại đức! Lòng con tha thiết khẩn cầu mỗi lời chỉ bảo của đại đức là một lời vàng ngọc đối với con, thì dù đại đức bảo con nhảy vào lửa con cũng “y giáo phụng hành.”

-Thôi, đừng nhảy vào lửa mà toi mạng, đằng kia có cái hồ nước mát, thượng tọa thử nhảy xuống xem. Vị La Hán chưa dứt lời, tôn giả Potthila đã nhảy ùm xuống nước. Đợi tôn giả Potthila vừa ngoi đầu lên, vị La Hán trẻ đồng dục ra lệnh:

-Hãy leo lên đây!

Tôn giả Potthila lồm cồm bò lên, vị thánh tăng lại bảo:

-Nhảy xuống hồ mau!

-Leo lên đây!

Sau khi bắt tôn giả Potthila nhảy xuống leo lên hơn 3 lần như thế, vị thánh tăng mới đến ngồi kiết già trên một tảng đá, và tôn giả Potthila ướt như chuột lột, thành kính quỳ trước mặt La Hán giảng giải:

-Này Thượng tọa lúc còn sống đời tại gia ta thường chơi đá dế với bạn, thượng tọa có biết con dế không?

-Thưa biết ạ!

-Ồ, tốt lắm. Giả sử như có một cái hộp vuông chứa đầy dế. Nếu cái hộp ấy có 6 cửa ngõ, cửa nào cũng để hé ra hết, thì các chú dế sẽ thò râu hoặc chân tay ra ngoài các ngõ ấy. Có phải thế không nào?

-Thưa vâng!

-Và nếu cửa ngõ nào mở rộng thì có thể các chú dế sẽ chui ra mất theo các ngõ ấy... phải không?

-Thưa đúng như vậy.

-Bây giờ, muốn quan sát các chú dế ấy cho kỹ, chúng ta có thể bịt kín đi năm lỗ, chỉ chừa một cửa thôi... Và nhìn chăm chăm vào cửa ấy... Thượng tọa có theo kịp không?

-Thưa kịp ạ!

-Chỉ nhìn thôi chứ không thò tay chân vào trong hộp ấy nhé...

-Vâng!

-Nhìn thật rõ ràng, chăm chú vào các sinh hoạt của bầy dế trong hộp, ta sẽ biết rõ về chúng hơn, từng đũa một... dế than, dế lửa, dế com tất cả đều rõ ràng tách bạch... đây

nhé!

- Thừa vâng!

- Nay Thượng tọa, các cửa của cái hộp để
 ấy dụ cho 6 căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý
 của ta... Những vọng tưởng lao xao và rộn
 ràng không khác nào bày dè kia. Muốn điều
 phục chúng không cách nào tốt hơn là ngồi
 yên lặng giảm bớt các hoạt động của ý
 thức... bình thân nhìn một cách rõ
 ràng chăm chú như đứa trẻ chơi dè nhìn bày
 dè lao xao trong hộp. Có thể nào Thượng
 tọa áp dụng trò chơi này một cách bình
 an, thoải mái, quan sát theo dõi những vọng
 niệm của mình mà không xen vào những
 ước muốn lấy bỏ, loại trừ... chăng?

- Bạch đại đức, con đã hiểu rồi...

Và tôn giả Potthila, sau khi từ giả 30 vị La
 Hán, đi tìm một trú xứ thích hợp để tọa
 thiền... Để khuyến khích sư, Đức Thế
 Tôn gởi đến một bài kệ:

*Tu thiên trí huệ sanh
 Bỏ thiên trí huệ diệt
 Biết con đường hai ngã
 Đưa đến hữu, phi hữu
 Hãy tự mình nỗ lực
 Khiến trí huệ tăng trưởng.*

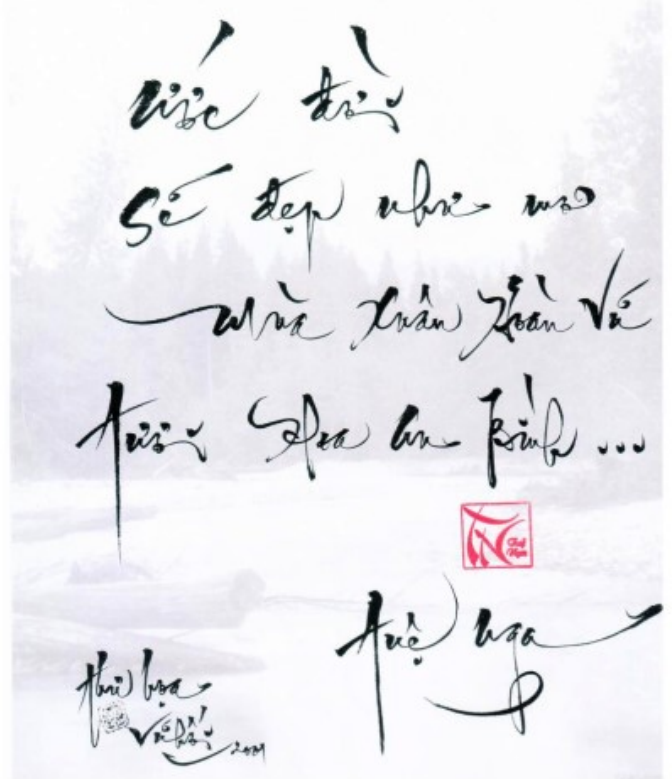
(Pháp cú 282)

Chẳng bao lâu, tôn giả Potthila đắc quả A
 La Hán. Từ đạo đó Đức Phật không trừ
 ông là “ông sư rộng” nữa.

PC: Ngồi mãi chẳng nằm, điều này tuy khó
 nhưng chúng ta còn có thể thực
 hiện được... nhưng còn vụ “hoát nhiên đại
 ngộ” hay “chứng đạo” như vậy thì ... vô
 phương bắt chước rồi!

MÙA XUÂN, MÙA HOA BÁT NHÃ

Tuệ Nga



*Mưa Pháp, Mưa Hoa ...
 Giọt Nhiệm Màu
 Từ Nguồn Bát Nhã. Thắm ngàn dâu
 Trường A Hàm, Mở...
 Thơm Xuân Mới
 Vi Diệu Chuông, Ngân ...
 Lắng Nào Sâu
 Thanh Khiết Sen Hồng, Dâng Đại Nguyên
 Sáng Ngời Đuốc Tuệ, Ngát Kinh Cầu
 Đất Trời vào Hội ...
 Xuân Nhân Ái
 Điệp Khúc Thanh Bình khắp Á, Âu ...*

Diệu Minh Tuệ Nga

Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ◆ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ◆ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ◆ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ◆ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ◆ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

Phật Học Inc
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252

TO:

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368